

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP



HỘI THẢO
VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045



ĐỒNG THÁP, THÁNG 11 NĂM 2022

MỤC LỤC

STT	TÊN THAM LUẬN	TRANG
1	PHÁT TRIỂN “NHÂN LỰC SỐ” GIÁO DỤC THÀNH PHỐ VÙNG BIÊN Tác giả : Phòng GDĐT Thành Phố Hồng Ngự	2
2	VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG VIỆC THỰC HIỆN “ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045” Tác giả : Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hồng Ngự	5
3	CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Tác giả : Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Sa Đéc	8
4	Ý TƯỞNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 Tác giả : : Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành	13
5	MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐỐI VỚI CẤP THCS HUYỆN TAM NÔNG ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 Tác giả : : Phòng Giáo dục và Đào tạo Tam Nông	20
6	MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN QUANG ĐIỀU GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 Đơn vị : Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Điều	26
7	SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI TỪ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC SANG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Tác giả : Lê Thành Trung-Phó Hiệu trưởng trường THPT Hồng Ngự 1	45
8	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN TẠI TRƯỜNG THPT LẤP VÒ 1 Trường THPT Lấp Vò 1	51
9	ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA ĐƠN VỊ Tác giả : Trường THPT Nguyễn Du	54
10	CẦN CÓ SỰ ĐẦU TƯ THỎA ĐÁNG HƠN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐÚNG HƠN VỀ VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI Tác giả: Nguyễn Hữu Thời- Giám đốc TT GDTX TP Sa Đéc	60
11	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN Ở TRƯỜNG THPT THANH BÌNH 1 Tác giả : Trường THPT Thanh Bình 1	63
12	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG THPT THỐNG LINH Tác giả: Trường THPT Thống Linh	69

PHÁT TRIỂN “NHÂN LỰC SỐ” GIÁO DỤC THÀNH PHỐ VÙNG BIÊN

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồng Ngự

Thực hiện chương trình trọng tâm về nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn thành phố Hồng Ngự được xác định là nhiệm vụ then chốt để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 29/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa XI về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025. Đồng thời nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của đội ngũ lãnh đạo quản lý và công chức, viên chức trên địa bàn thành phố để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 1983/KH-UBND ngày 30/6/2022 về việc thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố.

Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ khoa học - kỹ thuật, có khả năng tổ chức, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, đáp ứng yêu cầu xu hướng chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh nói chung và xây dựng, đào tạo đội ngũ chuyên đổi số lĩnh vực giáo dục nói riêng là một trong những nội dung trọng tâm để phát triển nguồn nhân lực của thành phố bởi lẽ “nhân lực số” là một trong những yếu tố then chốt, quyết định đến sự thành công của quá trình chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số trong giáo dục nói riêng.

Chất lượng của một nền giáo dục chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó giữ vai trò quyết định là đội ngũ nhà giáo. Luật giáo dục đã khẳng định “*Nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục*”. Vì vậy muốn đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục thì phải nâng cao chất lượng đội ngũ nói chung. Trong đó đội ngũ “nhân lực số” là khâu quan trọng để thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục hiệu quả và bền vững, giúp thực hiện thành công các mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục của thành phố Hồng Ngự. Để đạt được yêu cầu đó, Phòng GDĐT thành phố Hồng Ngự tham mưu UBND thành phố định hướng triển khai thực hiện một số biện pháp để phát triển “nhân lực số” lĩnh vực giáo dục như sau:

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục

Với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, chuyển đổi số chính là xu hướng của xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc áp dụng công nghệ vào giáo dục có vai trò vô cùng to lớn, tạo nên nhiều bước ngoặt phát triển, mở ra nhiều phương thức giáo dục mới thông minh, hiệu quả hơn. Đến nay, xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của xã hội. Hiểu đúng về chuyển đổi số trong giáo dục, đánh giá đúng thực trạng, xác định và dự báo đúng các thách thức về vấn đề đặt ra để xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi số hợp lý nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa quan trọng đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố trong giai đoạn hiện nay.

Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục cần được xem là giải pháp lâu dài mang tính chiến lược, gắn với những cải cách mạnh mẽ, triệt để trong giảng dạy, học tập và quản lý. Trong

chuyển đổi số thì quan trọng nhất không phải là công nghệ, cũng không phải là đầu tư kinh phí mà chính là quyết tâm chính trị cao nhất của người đứng đầu cơ sở giáo dục và nhận thức sẵn sàng thay đổi, thích ứng công nghệ số của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong các nhà trường hiện nay. Tuy nhiên một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trên địa bàn thành phố chưa nhận thức đầy đủ về chuyển đổi số trong giáo dục. Vì thế công việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được xem là giải pháp cơ bản, tiên quyết và cần phải được thực hiện thường xuyên, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ quản lý, giáo viên của các cơ sở giáo dục để nắm được tầm quan trọng của chuyển đổi số và cùng nhau xây dựng “văn hóa số” trong giáo dục trên địa bàn thành phố.

Biện pháp 2: *Kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số*

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số có chức năng nghiên cứu, đề xuất và tham mưu giúp Lãnh đạo UBND thành phố chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng và phát triển chính quyền số, đô thị thông minh góp phần tạo điều kiện thuận lợi đời sống căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đồng thời Ban chỉ đạo có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với Lãnh đạo UBND thành phố phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề trong thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy phát triển chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục nói riêng; cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch quan trọng liên quan đến xây dựng, phát triển chuyển đổi số thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố.

Để hỗ trợ cho Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố, ngành Giáo dục và Đào tạo thành lập Tổ công nghệ số của ngành GDĐT thành phố để giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố do đồng chí Trưởng phòng GDĐT làm Tổ trưởng và các phó phòng GDĐT làm tổ phó, chuyên viên của Phòng GDĐT, CBQL, giáo viên các đơn vị trường là thành viên. Tổ trưởng Tổ công nghệ số ngành GDĐT thành phố trình Trưởng Ban Chỉ đạo Kế hoạch hoạt động chuyển đổi số của ngành GDĐT về chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục. Tổ công nghệ số ngành GDĐT có nhiệm vụ chuẩn bị các báo cáo, nội dung làm việc của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo họp định kỳ 3 tháng một lần và họp đột xuất theo triệu tập của Trưởng ban. Khi cần thiết, Ban chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc có thể tổ chức họp, mời đại diện các cơ quan, đơn vị, chuyên gia tham gia thảo luận, đề xuất.

Căn cứ vào hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp thành phố và Tổ công nghệ số của ngành GDĐT thành phố, các cơ sở giáo dục thành lập ban chỉ đạo về chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục cấp trường mà Trưởng ban là Hiệu trưởng, phó trưởng ban là các phó hiệu trưởng, thành viên là các tổ nhóm chuyên môn. Đồng thời ở các tổ/khối chuyên môn thành lập tổ công nghệ số bộ môn (khuyến khích, động viên thành lập câu lạc bộ chuyển đổi số của trường/lớp trong học sinh...). Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp trường xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm học và cụ thể hoá nhiệm vụ từng tháng, có đánh giá kết quả hàng tháng/học kì/năm học.

Biện pháp 3: *Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số của thành phố*

Các chuyên gia công nghệ thông tin cho rằng, đào tạo kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực số là yếu tố then chốt trong việc xây dựng lực lượng nòng cốt, hình thành mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số để dẫn dắt, tổ chức, lan tỏa tiến trình chuyển đổi số góp phần bảo đảm công cuộc chuyển đổi số địa phương một cách nhanh, hiệu quả, bền vững và thành công. Theo đó, đào tạo nhân lực chuyển đổi số giáo dục không chỉ là việc dạy cách làm chủ công nghệ, các thiết bị “số hóa” mà còn phải giúp họ thay đổi cả tư duy, hiểu đúng về giá trị của con

người trong từng khâu chuyển đổi số của tổ chức. Điều này quan trọng với cả giáo viên, học sinh và đến cấp quản lý, lãnh đạo của các cơ sở giáo dục. Có thể thấy rằng việc chuyển đổi số tác động tới nhiều bên liên quan khác nhau trong đó trực tiếp và chịu tác động lớn nhất là người học và giáo viên, kế tiếp là đội ngũ hành chính văn phòng, đội ngũ cán bộ quản lý, những người phải trực tiếp thao tác, vận hành hệ thống. Các nhà lãnh đạo trong ngành giáo dục cũng cần phải thay đổi tư duy quản lý.

Thành phố Hồng Ngự là một trong 03 địa phương của tỉnh Đồng Tháp đi đầu thực hiện chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, thành phố còn rất nhiều việc phải làm, bởi quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của thành phố vùng biên còn nhiều khó khăn và thách thức như: Cơ hội số vẫn chưa được khai thác mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông có mặt còn bất cập, có sự thiếu đồng bộ; các hệ thống thông tin vẫn thiếu dữ liệu, nền tảng dùng chung... Đặc biệt, địa phương đang thiếu nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; kỹ năng số của cán bộ công chức, viên chức nói chung, viên chức ngành giáo dục nói riêng cũng còn nhiều hạn chế. Cụ thể đối với ngành giáo dục, trình độ và năng lực về chuyển đổi số của cán bộ quản lý và giáo viên không đồng đều, kỹ năng và kiến thức về công nghệ số vẫn còn ở mức hạn chế... Chuyển đổi số không thể thành công nếu những người trực tiếp thực hiện giảng dạy không có đủ kỹ năng sử dụng công nghệ. Nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như những hạn chế về nhân lực trong thực hiện chuyển đổi số hiện nay của ngành giáo dục địa phương, Phòng GDĐT thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ trong việc ứng dụng công nghệ cho cán bộ quản lý, giáo viên đề hướng đến mục tiêu thực hiện thành công chuyển đổi số trong giáo dục mà trước hết tập trung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho các cho đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục của thành phố và lực lượng nòng cốt của các đơn vị trường để lực lượng này hỗ trợ triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục. Đây sẽ là những "cánh tay nối dài" của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của thành phố, tổ công nghệ số ngành giáo dục của thành phố để triển khai đầy mạnh thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, giáo dục và giảng dạy học sinh.

“Nhân lực số” là khâu quan trọng để thực hiện chuyển đổi số giáo dục hiệu quả và bền vững, giúp thực hiện thành công các mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số giáo dục của thành phố. Với những định hướng triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, ngành GDĐT thành phố vùng biên hy vọng sẽ sớm nâng cao chất lượng đội ngũ chuyển đổi số của ngành, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương vùng biên giới./.

VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG VIỆC THỰC HIỆN “ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045”

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hồng Ngự

Trong thời kì xã hội hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, nguồn lực con người Việt Nam trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục ngày càng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và nhà nước ta luôn quan tâm và chú trọng đến giáo dục.

Việc xây dựng Đề án phát triển giáo dục tỉnh nhà với tầm nhìn dài hạn là vô cùng cần thiết. Trong quá trình nghiên cứu bản dự thảo, tôi rất tâm đắc đến đề án này, đề án đã đánh giá thực trạng phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2020 rất cụ thể và xác căn cứ thực tiễn. Trên cơ sở đó, phân tích những thành tựu, tiềm năng và lợi thế để phát triển giáo dục; làm rõ các hạn chế, tồn tại và nguyên nhân để đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đúng định hướng của Trung ương, phù hợp với thực tế địa phương và phù hợp với xu thế phát triển giáo dục của Khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; tiệm cận với xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

Với góc nhìn là Huyện biên giới đầu nguồn của tỉnh Đồng Tháp, có đường biên giới dài 19km giáp Vương quốc Campuchia, bao gồm 10 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 03 xã biên giới (Thường Phước 1, Thường Lạc, Thường Thới Hậu A). Toàn huyện có 50 trường học, trong đó: 13 trường Mầm non, mẫu giáo; 23 trường Tiểu học; 01 trường TH-THCS, 10 trường THCS và 03 trường THPT điều kiện kinh tế - xã hội còn không ít khó khăn, theo tôi đề Đề án thành công, tỉnh nhà cần đặc biệt quan tâm các vấn đề sau:

1. Về đội ngũ nhà giáo.

- Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên học tập, bảo đảm đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên.

- Cán bộ quản lý giáo dục phải xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường, các hoạt động của nhà trường đều phải bám sát vào mục tiêu, sứ mệnh đó. Do vậy phải thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ dự nguồn, lãnh đạo quản lý, nhất là cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định trước khi bố trí, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và bảo vệ chính trị nội bộ.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên ngoài năng lực chuyên môn tốt, còn phải có tinh thần vượt khó, trách nhiệm, đủ năng lực đánh giá và thích ứng với yêu cầu phát triển của địa phương, của xã hội.

2. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Đẩy mạnh hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và quy mô phát triển giáo dục của địa phương. Bảo đảm quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực trong và ngoài nước, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ, góp vốn xây dựng, hiến đất, cho vay vốn đầu tư.

- Nghiên cứu, bổ sung danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cho từng cấp học theo chương trình đổi mới, thiết bị dạy tin học, ngoại ngữ và phòng học bộ môn, hướng dẫn đầu tư mua sắm trang thiết bị theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa, gắn với định hướng phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

3. Huy động mọi nguồn lực từ xã hội.

- Quảng bá tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về mục tiêu của đề án, xây dựng mối quan hệ tốt giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong việc thực hiện đề án, thay đổi ý thức trong gia đình cha mẹ học sinh trong việc quan tâm đến giáo dục con cái, tránh giao khoán cho nhà trường và xã hội.

- Quan tâm hơn nữa trong việc tạo dựng môi trường văn hóa tại địa phương lành mạnh, an toàn, thân thiện và đồng bộ trong sự phát triển giáo dục tại địa phương. Vì vậy khi các cơ quan, đơn vị khi ban hành các nghị quyết, quyết định, các hoạt động liên quan đến giáo dục đều phải trên tinh thần lấy học sinh là ưu tiên hàng đầu, học sinh phải được tạo điều kiện ưu tiên trong các quyết sách liên quan đến giáo dục. Xây dựng nhà trường không chỉ là nơi để học, mà còn là nơi vui chơi, rèn luyện, giải trí... là điểm đến của trẻ em trên địa bàn khi có thời gian rảnh rỗi.

- Đầu tư phát triển tốt kinh tế ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng biên giới tạo môi trường lao động có thu nhập ổn định tại địa phương nhằm hạn chế tình trạng người dân rời địa phương đi làm ăn xa mang theo cả con cái làm ảnh hưởng đến việc học tập các em.

- Nên chăng xây dựng mô hình “Đỡ đầu trường học”, mỗi ban ngành tỉnh nhận đỡ đầu một trường, mở rộng sang lĩnh vực tư nhân, tỉnh vận động mỗi doanh nghiệp đỡ đầu cho một trường còn khó khăn trên địa bàn tỉnh để việc đầu tư, hỗ trợ được tập trung, tránh dàn trải, lãng phí. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, chính sách đãi ngộ cho giáo viên.

4. Đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

- Cần nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong giáo dục nhận thức và tư duy “học tập suốt đời”, bởi trong tương lai kiến thức học được ở trường đại học sẽ bị lạc hậu rất nhanh. Vì vậy, chỉ khi có quan điểm học tập thường xuyên, tư duy học tập suốt đời thì người lao động mới có thể thích ứng được với sự biến đổi của nghề nghiệp tương lai.

- Cần có định hướng giáo dục thích hợp để khai phá và phát triển giá trị của từng cá nhân. Mô hình giáo dục truyền thống, chạy theo bằng cấp hay tiêu chuẩn chung của xã hội sẽ không còn nhiều giá trị.

- Giáo dục học sinh biết tự xác định phương hướng, có trách nhiệm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, tính minh bạch.

- Tăng tính tự chủ chương trình và nội dung giảng dạy cho từng đơn vị trường học; tự tạo cho mình định hướng giáo dục mang màu sắc riêng, tự lựa chọn con đường phát triển cho đơn vị.

- Tập trung tự xây dựng cho mình mục tiêu, sứ mệnh phù hợp với người dạy, người học và với điều kiện thực tiễn của nhà trường, trong đó có mục tiêu “làm cho các cá nhân, tập thể trong đó yêu trường, yêu lớp, cùng tiến bộ trên cơ sở những giá trị tốt đẹp” dựa vào ba tiêu chí cốt lõi mà Bộ GDĐT đã lựa chọn: An toàn, yêu thương và tôn trọng.

- Tăng cường hướng dẫn người học cách đọc và phân tích dữ liệu từ những thống kê, mô tả, biểu đồ. Vì tương lai máy tính sẽ giúp chúng ta thống kê, mô tả, biểu đồ hóa mọi lĩnh vực.

5. Nâng cao hơn nữa đạo đức nhà giáo trong giai đoạn hiện nay

- Tích cực và sáng tạo đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện các Quy định về “những điều đảng viên không được làm” gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, đặc biệt là cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức cho mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò, trọng trách của nhà giáo để mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thấy rõ trách nhiệm của mình với xã hội, với việc đào tạo bồi dưỡng con người cho đất nước; thấy rõ được trách nhiệm trong việc bảo vệ danh dự của nhà giáo cũng như của ngành giáo dục, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Khơi dậy lương tâm, trách nhiệm, nhiệt huyết, nhiệt tình trong mỗi nhà giáo để mỗi nhà giáo đều có khát vọng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo cũng như sự phát triển của đất nước.

- Cần chăm lo đến đời sống của nhà giáo, tạo điều kiện thuận lợi nhất (cả vật chất và tinh thần trong điều kiện có thể) để nhà giáo làm việc và cống hiến. Kêu gọi sự quan tâm của toàn xã hội với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhất là sự ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý kịp thời, nghiêm túc những biểu hiện vi phạm về đạo đức nhà giáo, góp phần làm trong sạch môi trường giáo dục; đồng thời tuyên dương những tấm gương nhà giáo tiêu biểu có lương tâm, trách nhiệm, tận tụy, dành trọn tâm huyết và trí tuệ cho sự nghiệp giáo dục, hết lòng vì học sinh thân yêu.

Phát triển giáo dục không chỉ là mục tiêu của Đảng và nước, nó còn là ước mơ của viên chức ngành giáo dục nói riêng và của người dân nói chung. Theo tôi, đề án thành công cần sự chung tay của toàn xã hội, và mỗi cá nhân đều phải nỗ lực hoàn thành phần việc của mình.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Đơn vị: Phòng GDĐT thành phố Sa Đéc

I. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Đất nước hội nhập mạnh mẽ, với nền kinh tế tri thức, chuyển đổi số ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào đời sống, sản xuất và đứng trước những thách thức, thay đổi tiên bộ của xã hội đòi hỏi nguồn nhân lực phải có chất lượng cao thế nên việc tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo càng trở nên cấp thiết. Hiệu quả công tác giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực và thương hiệu của nhà trường là mối quan tâm không chỉ đối với cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nói riêng mà còn là của các cấp quản lý giáo dục nói chung.

Để thực hiện tốt, có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cần quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục.

Với mục tiêu nâng cao phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; năng lực lãnh đạo, quản lý của lãnh đạo nhà trường đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về đảm bảo chất lượng giáo dục, quản lý giáo dục cho toàn thể lãnh đạo, tổ chuyên môn, giáo viên và nhân viên nhà trường.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp bao gồm: kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng sử dụng công nghệ mới.

Hai là, tổ chức khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn đầu ra

Mục tiêu khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, công nghệ trong và ngoài trường phục vụ giáo dục, quản lý nhằm đạt chuẩn đầu ra về năng lực, phẩm chất của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Khai thác và sử dụng triệt để, hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, công nghệ có sẵn trong trường phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục.

Tổ chức hợp tác, chia sẻ nguồn lực vật chất phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục với các cơ sở giáo dục khác.

Tăng cường hợp tác nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, công nghệ phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục.

Ba là, quản lý quá trình giáo dục

Hình thành và phát triển động cơ đúng đắn; khơi dậy ở học sinh nhu cầu nhận thức, chủ động chiếm lĩnh tri thức trong quá trình học tập; hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và khả năng quản lý bản thân.

Tổ chức triển khai chương trình giáo dục, quy chế, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Tổ chức quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập của học sinh.

Bốn là, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra

Tăng cường kỹ năng học tập, bổ sung các kỹ năng mềm cần thiết; bồi dưỡng phong cách, thái độ và nâng cao đời sống tinh thần cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động mang tính trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội cho học sinh;

Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực hiểu biết về các môn học. Bồi dưỡng các kỹ năng mềm, nâng cao đời sống tinh thần cho học sinh;

Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao lòng tôn trọng, gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc và các giá trị văn hóa khác.

Năm là, tổ chức điều tra thông tin phản hồi và theo dõi sự tiến bộ của học sinh theo chuẩn đầu ra

Nhằm đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường so với yêu cầu của chuẩn đầu ra theo chương trình giáo dục để nhà trường điều chỉnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục.

Tổ chức thu thập, xử lý thông tin của học sinh hoàn thành chương trình giáo dục theo chuẩn đầu ra, chương trình giáo dục và quá trình giáo dục của nhà trường, những vấn đề cần điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình giáo dục;

Tổ chức thu thập, xử lý thông tin về kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra và yêu cầu của xã hội;

Tổ chức thu thập, xử lý thông tin người quản lý các đơn vị giáo dục hoặc sử dụng lao động sau khi học sinh hoàn thành chương trình giáo dục.

Sáu là, tổ chức tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục

Với mục tiêu đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục bên trong nhà trường nhằm đưa ra các quyết định điều chỉnh nhằm hướng tới chuẩn kết quả đầu ra.

Tổ chức tự nhìn nhận, mô tả, làm rõ thực trạng nhà trường; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến các biện pháp quản lý giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục.

Bảy là, tổ chức xây dựng và tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức xây dựng và tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi của nhà trường nhằm tạo ra động lực, sự đồng thuận trong quá trình thực hiện giáo dục theo hướng đảm bảo chất lượng.

Tổ chức xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi tạo nên giá trị và sự khác biệt của nhà trường trên cơ sở pháp lý;

Chỉ đạo tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường tới toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường và các bên liên quan.

Chúng tôi nhận thấy nổi bật là công tác *tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu đảm bảo CLGD và tổ chức khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn đầu ra* có vai trò quan trọng hàng đầu bởi vì việc đáp ứng được về trình độ, năng lực của đội ngũ CBQL, GV là yêu

cầu cấp bách và quan trọng hàng đầu trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục của Ngành Giáo dục và Đào tạo. Tại khoản 2 Điều 66 Luật Giáo dục 2019 đã khẳng định “Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được xã hội tôn vinh.” Chính vì thế đội ngũ CBQL, GV phải không ngừng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bên cạnh đó các cấp quản lý cũng phải tạo điều kiện tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ này.

Đối với giải pháp tổ chức khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ giáo dục, quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn đầu ra, để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường đúng theo quy định và tạo môi trường học tập thật sự năng động, hiệu quả cho học sinh thì cần bố trí, xây dựng đầy đủ các khối phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, ...; trang bị đủ thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho học sinh khai thác kiến thức môn học hiệu quả; nhà trường trang hệ thống học liệu đáp ứng nhu cầu tìm hiểu mở rộng nguồn kiến thức của giáo viên và học sinh.

Sự phối hợp nhịp nhàng và thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ đáp ứng được hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục không chỉ ở cơ sở giáo dục riêng lẻ mà còn có thể áp dụng ở quy mô rộng lớn hơn.

II. CÔNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Xác định mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định trường mầm non/tiểu học/trung học cơ sở đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường mầm non/tiểu học/trung học cơ sở; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định Chất lượng giáo dục. Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng đối với hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.

Hiện trên địa bàn thành phố Sa Đéc hiện có 10 trường Mẫu giáo, Mầm non; 14 trường Tiểu học, 05 trường Trung học cơ sở, có 23/29 đơn vị đã được đánh giá ngoài. Kết quả nổi bật có 02 trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2; 06 trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trong thời gian qua, hầu hết các đơn vị trường thực hiện tốt công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục. Vào đầu mỗi năm học xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, phân công cụ thể cho từng đối tượng trong đơn vị. Cuối năm học hoàn thành việc cập nhật và gửi nội dung báo cáo về cấp trên theo quy định. Tuy nhiên công tác này vẫn còn một số hạn chế như: một số đơn vị chưa chủ động, chờ sự nhắc nhở, đôn đốc của cấp trên; chưa thật sự nghiêm túc thực hiện quyết định việc cải tiến, khắc phục những khó khăn, vướng mắc đối với những tiêu chí chưa đạt ở mức cao; chưa thể hiện được công tác phân công, phân nhiệm cho từng cá nhân cụ thể trong công tác chuẩn bị báo cáo, minh chứng cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn; một số đơn vị chưa thực hiện báo cáo kết quả công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đúng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến việc tổng hợp báo cáo của Phòng GDĐT về Sở GDĐT.

Trong quá trình quản lý thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các trường MN, TH, THCS trên địa bàn có những thuận lợi, khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

+ Hàng năm vào đầu năm học, Sở GDĐT có hướng dẫn kịp thời nhiệm vụ này. Theo đó, Phòng GDĐT căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế địa phương để xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

+ Phòng GDĐT có phân công nhiệm vụ lãnh đạo, công chức phụ trách công tác này, từ đó tạo được tính tập trung, giải quyết công việc hiệu quả, nhanh chóng hơn.

+ Hầu hết Hiệu trưởng các đơn vị trường đều có kinh nghiệm trong công tác quản lý, nhất là công tác kiểm định chất lượng giáo dục, nên tính chủ động thực hiện nhiệm vụ khá cao.

+ Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, trình độ năng lực đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh, các nguồn lực khác tại các cơ sở giáo dục cơ bản được đáp ứng đầy đủ và tổ chức khai thác hiệu quả.

- Khó khăn:

+ Khó khăn lớn nhất là vẫn còn 1 số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có diện tích sử dụng nhỏ, quỹ đất mở rộng không còn dẫn đến không đáp ứng được tiêu chí, tiêu chuẩn.

+ Các đơn vị trường được xây dựng rất lâu, đã được đánh giá ngoài, đạt chuẩn quốc gia ở các mức độ theo quy định của các văn bản hướng dẫn trước đây (*Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non*) đến thời điểm hiện tại thì áp dụng văn bản hướng dẫn mới (*Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường tiểu học; Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non*), nhất là Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Theo đó các đơn vị trường còn thiếu về phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn, các khối phòng phụ trợ,... dẫn đến tình trạng không đạt được tiêu chuẩn về cơ sở vật chất.

+ Công tác cải tiến, nâng cao kết quả thực hiện các tiêu chí lên mức 3, 4 tại một số cơ sở giáo dục chưa thật sự được quan tâm và đạt hiệu quả dẫn đến tình trạng không thể nâng được mức đạt chuẩn kiểm định cũng như chuẩn quốc gia.

- Một số biện pháp tăng cường thực hiện trong thời gian tới như sau:

+ Phòng GDĐT phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tham mưu việc bố trí quỹ đất, kinh phí đầu tư để trang bị về cơ sở vật chất cũng như thiết bị dụng cụ dạy học cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

+ Phối hợp với Phòng Nội vụ thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV đáp ứng quy định của Luật Giáo dục 2019 và các thông tư quy định về Điều lệ trường.

+ Kiến nghị Sở GDĐT quan tâm trang bị thiết bị, đồ dùng dạy học cho các cơ sở giáo dục nhằm phục vụ công tác tổ chức dạy học Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Ý TƯỞNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành

1. Mở đầu

Năm học 2021 - 2022, tỉnh Đồng Tháp có 632 cơ sở giáo dục công lập, giảm 12 cơ sở so với năm học 2020 - 2021. Tổng số học sinh, học viên toàn tỉnh là 325.386 người. Tính đến cuối năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 18.643 nhà giáo và cán bộ quản lý. Tỉnh ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, trong đó tập trung đảm bảo việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho các cơ sở giáo dục tiểu học. Kết quả có 100% lớp 1 và 2 của tỉnh học 2 buổi/ngày. Công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, lựa chọn sách giáo khoa được triển khai nghiêm túc, theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Việc triển khai chương trình ở những năm đầu tiên nhìn chung đã đạt được kết quả tích cực.

Bên cạnh những thuận lợi, giáo dục Đồng Tháp cũng còn một số khó khăn, hạn chế như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, khu công nghiệp. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn do quy mô phát triển của các cơ sở giáo dục không đồng đều, trong khi yêu cầu phải tổ chức dạy học đủ các môn để nâng cao chất lượng giáo dục.

Năm học 2022 - 2023 sẽ là năm tiếp theo ngành Giáo dục triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đồng Tháp xác định mục tiêu phấn đấu của giáo dục địa phương là nằm trong nhóm 3 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và 15 cả nước dựa trên các chỉ số có thể so sánh được. Trong đó, sẽ cụ thể hóa các giải pháp về phát triển giáo dục trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Và trong tương lai Giáo dục tỉnh Đồng Tháp sẽ như thế nào đến năm 2030?

Trong bối cảnh của một thế giới biến động nhanh chóng và khó lường như hiện nay thì dự báo về tương lai của giáo dục là điều nan giải mà chỉ có thể nói về những khả năng có thể xảy ra. Vấn đề đặt ra đối với nhà hoạch định chính sách là trước những khả năng đó, cần có sự lựa chọn sáng suốt và phù hợp bởi lẽ những quyết định và hành động ngày hôm nay của chúng ta sẽ góp phần định hình giáo dục của ngày mai. Vì thế, trong bài viết này, những khả năng có thể xảy ra về tương lai của giáo dục được trao đổi từ việc tổng hợp những góc nhìn khác nhau về giáo dục hiện nay. Luận bàn nhiều về nội dung này, TSKH Phạm Đỗ Nhật Tiến có bài viết về Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam nhìn từ góc độ tương lai của giáo dục, gắn kết với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 giáo dục Đồng Tháp nằm trong nhóm 3 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và thứ 15 của cả nước, trên cơ sở đó có đề xuất các ý tưởng về giáo dục Đồng Tháp đến 2030 và 2045.

2. Các mô hình giáo dục đến năm 2030.

2.1 Giáo dục năm 2030 vì sự phát triển bền vững

Trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc thông qua vào năm 2015, thì mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục là: “Bảo đảm giáo dục có chất lượng, bình đẳng và bao trùm, tăng cường các cơ hội học tập suốt đời (HTSD) cho mọi người”.

2.2 Giáo dục năm 2030 đáp ứng các yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN4)

Trước các thách thức của CMCN4, OECD tiến hành từ năm 2015 Dự án “Tương lai của giáo dục và kỹ năng năm 2030”. Câu hỏi đặt ra là “Làm thế nào chúng ta có thể chuẩn bị cho học sinh để làm những công việc chưa được tạo ra, giải quyết những thách thức xã hội chưa thể lường trước và sử dụng các công nghệ chưa được phát minh? Làm thế nào chúng ta có thể trang bị cho họ để vươn lên trong một thế giới kết nối, nơi họ cần hiểu và đánh giá những quan điểm và tầm nhìn khác nhau, tương tác một cách trọng thị với người khác và hành động có trách nhiệm đối với sự bền vững và hạnh phúc của mọi người?” (OECD, 2018).

Để trả lời câu hỏi trên, hiện Dự án đang ở giai đoạn xây dựng cái gọi là “La bàn học tập 2030” (OECD Learning Compass 2030) với quan niệm “Giáo dục không còn là việc dạy người học một điều gì đó; điều quan trọng hơn là dạy họ phát triển một la bàn tin cậy cùng các công cụ điều hướng để tìm ra con đường riêng của họ trong một thế giới ngày càng phức tạp, đầy biến động và không chắc chắn” (OECD, 2019).

Mô hình Tương lai của giáo dục và kỹ năng 2030 nói trên bổ sung cho mô hình giáo dục 2030 vì sự phát triển bền vững và cũng là tham chiếu quan trọng cho việc xây dựng chiến lược giáo dục.

2.3 Giáo dục 2030 hậu covid

Từ thành công của các hệ thống giáo dục toàn cầu trong việc ứng phó với đại dịch, đã hình thành ba nhận thức mới quan trọng như sau:

- 1) Giáo dục không nhất thiết phải đóng khung trong bốn bức tường nhà trường mà có thể thực hiện ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào miễn là có tư duy cùng những quan hệ phù hợp;
- 2) Các hệ thống giáo dục không đến nỗi quá nặng nề để chuyển đổi mà có thể thay đổi rất nhanh miễn là có sự đồng thuận của các chủ thể giáo dục;
- 3) Chỉ có các hệ thống giáo dục kiên cường, sẵn sàng ứng phó với khủng hoảng mới có thể hoàn thành sứ mệnh của mình trong việc đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và nhu cầu nhân lực của sự phát triển kinh tế-xã hội.

Vì thế, bước sang giai đoạn hậu covid, “chỉ đưa giáo dục trở lại hiện trạng bình thường cũ, vốn đã không đáp ứng được nhu cầu của tất cả người học, không phải là một lựa chọn. Do đó, các nhà hoạch định chính sách phải hỗ trợ tất cả các chủ thể trong hệ thống giáo dục trong việc duy trì xung lực của hành động khẩn cấp tập thể để tiến tới *trạng thái bình thường tốt hơn*” (OECD, 2020).

Muốn vậy, ngoài việc đối diện với *thách thức quan trọng* về khả năng ứng đáp của giáo dục trước những yêu cầu phức tạp của người học trong giai đoạn hậu công nghiệp gắn liền với CMCN4, các hệ thống giáo dục ngày nay còn đối diện một thách thức mới. Đó là *thách thức bức thiết* về khả năng tự cường của hệ thống giáo dục không phải chỉ để vượt qua khủng hoảng do đại dịch Covid-19 gây nên mà còn nhiều khủng hoảng nữa có thể xảy ra trong tương lai.

Trên cơ sở các nghiên cứu về chính sách giáo dục suốt một thập kỷ qua cùng với những sáng kiến ứng phó và tự cường của các hệ thống giáo dục trong đại dịch Covid-19, các nhà nghiên cứu thuộc khối OECD chỉ ra rằng các hệ thống giáo dục hậu covid, hướng đến 2030 và sau này, phải là các hệ thống giáo dục trong điều kiện bình thường tốt hơn với hai đặc trưng cơ

bản, một là *ứng đáp* với các đòi hỏi của CMCN4, hai là *kiên cường* trước các thách thức của mọi khủng hoảng.

Như thế, chỉ trong vòng 7 năm, kể từ năm 2015, sự bổ sung liên tục về yêu cầu đối với giáo dục 2030 cho thấy một điều là sự vận động của giáo dục ngày nay đã khác trước rất nhiều. Không còn nữa hình ảnh về một hệ thống giáo dục nặng nề, bảo thủ, vận động chậm chạp trong một môi trường kinh tế-xã hội ít nhiều ổn định. Thay vào đó, giờ đây, là một hệ thống giáo dục linh hoạt, năng động, có khả năng ứng phó nhanh trong một môi trường kinh tế - xã hội biến động và bất định.

Để nghiên cứu về giáo dục trước yêu cầu nêu trên, UNESCO đã tiến hành một chương trình nghiên cứu kéo dài hai năm nay về các tương lai của giáo dục để đi tới nhận định rằng cần *một kế ước xã hội mới về giáo dục* (UNESCO, 2021).

3. Kế ước xã hội mới về giáo dục

Trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20, trước những bước chuyển quan trọng về kinh tế - xã hội, UNESCO đã công bố lần lượt hai báo cáo toàn cầu về đổi mới giáo dục. Báo cáo đầu tiên, năm 1972, là báo cáo Faure với tên gọi “Học để làm người: Thế giới giáo dục hôm nay và ngày mai”. Báo cáo thứ hai, năm 1996, là báo cáo Delors với tên gọi “Giáo dục: Một kho báu tiềm ẩn”.

Giờ đây, trước những thay đổi căn bản về kinh tế - xã hội, UNESCO công bố báo cáo toàn cầu thứ ba là báo cáo Sahle-Work với tên gọi “Cùng hình dung lại các tương lai: Một kế ước xã hội mới về giáo dục” (UNESCO, 2021).

Vấn đề đặt ra là giáo dục đóng vai trò gì và sẽ như thế nào trong việc định hình thế giới chung và tương lai cùng chia sẻ của chúng ta khi chúng ta hướng đến những năm 2050 và sau này.

Khi chúng ta tiến tới cột mốc giữa thế kỷ, năm 2050 và sau này, câu trả lời về tương lai của giáo dục phụ thuộc đáng kể vào những gì chúng ta mong đợi ở thế giới ngày mai. Dĩ nhiên, không thể đoán định được tương lai, nhưng rõ ràng là thế giới đang đứng trước một lựa chọn sinh tử: tiếp tục con đường phát triển không bền vững như hiện nay hay chọn hẳn một con đường khác. Có nhiều kịch bản khả dĩ, nhưng dù theo kịch bản nào thì cũng cần tính đến các thay đổi mang tính đột phá đang diễn ra trong bốn lĩnh vực sau đây:

1) *Về môi trường*, trái đất đang lâm nguy vì sản xuất, tiêu dùng và lãng phí hiện đã vượt xa những ranh giới an toàn của hành tinh; chúng ta cần thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và ngăn chặn biến đổi khí hậu; điều đó đòi hỏi giáo dục phải phù hợp với ba mục tiêu này;

2) *Về công nghệ*, các tiến bộ công nghệ và chuyển đổi số đang vừa gắn kết chúng ta vừa chia rẽ chúng ta; vì thế giáo dục cần góp phần tạo nên một môi trường số linh hoạt hơn, bớt phụ thuộc vào các hạ tầng dựa trên mô hình kinh doanh đi liền với các quy định độc đoán hiện đang kìm hãm sự phát triển tích cực và lợi ích chung tiềm năng có thể được tạo ra từ số;

3) *Về chính trị*, sự tụt hậu của nền dân chủ, sự chia rẽ và phân cực có chiều hướng gia tăng của thế giới đòi hỏi giáo dục phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong việc khuyến khích và bảo đảm quyền công dân, các không gian tranh luận, các quy trình tham dự, các quan hệ hợp tác, các tương lai cùng chia sẻ;

4) *Về việc làm*, chúng ta sẽ đối diện một tương lai việc làm bất định, thậm chí đối diện một kịch bản chưa từng có là thế giới sẽ cạn kiệt việc làm trong nền kinh tế chính quy vì

sự đột phá của tiến bộ công nghệ; vì thế, thay vì chỉ lo tập trung vào kỹ năng và việc làm, giáo dục cần hướng đến cung cấp năng lực để người học tạo ra phúc lợi kinh tế - xã hội lâu dài cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Những thay đổi mang tính đột phá nêu trên đòi hỏi cấp bách việc xây dựng một khế ước xã hội mới về giáo dục.

Khế ước xã hội cũ về giáo dục chủ yếu tập trung vào việc xây dựng tinh thần công dân quốc gia cùng nỗ lực phát triển kinh tế với tầm nhìn ngắn hạn. Vì thế các hệ thống giáo dục thường tái lập và duy trì chính các nhân tố đe dọa tương lai chung, khiến tiềm năng của giáo dục trong việc tạo nên sự thay đổi bị hạn chế.

Khế ước xã hội mới về giáo dục cần khắc phục các hạn chế trong khế ước xã hội cũ thông qua việc thiết lập *tầm nhìn chung mới cùng các nguyên tắc và cam kết mới* để giáo dục góp phần mở ra các con đường mới hướng tới các tương lai mong muốn.

Trước hết về *mục tiêu*, giáo dục phải hướng tới một mục tiêu mới là làm cho mọi người đoàn kết bên nhau, có kiến thức và tinh thần sáng tạo, chung sức vì các tương lai hòa bình và bền vững cho tất cả mọi người trên cơ sở sự công bằng về kinh tế, xã hội và môi trường.

Tiếp nữa là *hai nguyên tắc nền tảng mới*. Thứ nhất, nguyên tắc trước đây với quy định giáo dục là một trong những quyền cơ bản của con người cần được mở rộng thành nguyên tắc *giáo dục có chất lượng suốt đời là một trong những quyền cơ bản của con người*. Hai là, đặc trưng công của giáo dục phải vượt khỏi quan niệm rằng giáo dục được cung ứng, cấp tài chính và quản lý bởi các cơ quan công quyền; ngày nay giáo dục phải được xây dựng và phát triển trên nguyên tắc *đó là sự nghiệp toàn xã hội và là một lợi ích chung*, theo nghĩa giáo dục là lĩnh vực được quản trị chung và là hoạt động tập thể trong việc đồng sáng tạo và đồng sử dụng kho tàng tri thức nhân loại vì lợi ích của mọi người.

Một số đề xuất ban đầu về đổi mới giáo dục là như sau:

1) Hoạt động sư phạm phải được tổ chức dựa trên các nguyên tắc hợp tác, cộng tác và đoàn kết;

2) Chương trình giáo dục cần nhấn mạnh việc học tập về sinh thái, liên văn hóa và liên ngành; hỗ trợ người học tiếp cận và sản sinh tri thức đồng thời phát triển năng lực phê phán và ứng dụng tri thức;

3) Việc giảng dạy cần được chuyên nghiệp hóa hơn trong nỗ lực hợp tác, nơi nhà giáo được ghi nhận là nhà sản xuất tri thức và nhân vật chủ chốt trong hành trình chuyển đổi giáo dục và xã hội;

4) Nhà trường phải là những địa điểm giáo dục được bảo vệ vì sự hòa nhập, tính công bằng và sự hạnh tồn của cá nhân và tập thể mà nhà trường theo đuổi; nhà trường cũng phải được hình dung lại để thúc đẩy sự chuyên đổi của thế giới hướng tới những tương lai bình đẳng hơn, công bằng hơn và bền vững hơn;

5) Chúng ta cần tận hưởng và mở rộng các cơ hội giáo dục diễn ra trong suốt cuộc đời và trong các không gian văn hóa và xã hội khác nhau.

Đó là các ý tưởng và đề xuất cơ bản trong Khế ước xã hội mới về giáo dục. Các ý tưởng và đề xuất này “cần được chuyển thành các chương trình, nguồn lực và hoạt động theo nhiều cách khác nhau trong các bối cảnh khác nhau. Sự chuyển đổi như vậy sẽ là kết quả của các quá trình đồng xây dựng và trò chuyện với những người khác mà sự tham gia của họ là cần thiết để chuyển những ý tưởng này thành kế hoạch và hành động. Việc xác định và thực hiện đổi mới

giáo dục là tùy thuộc vào các cấp lãnh đạo chính quyền, các nhà quản lý giáo dục, cùng với giáo viên và học sinh, gia đình, cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự” (UNESCO, 2021: 15).

4. Giáo dục Việt Nam năm 2030 và tầm nhìn năm đến năm 2045

4.1 Giáo dục Việt Nam năm 2030

Để trả lời câu hỏi giáo dục Việt Nam năm 2030 sẽ như thế nào cần dựa vào các định hướng sau:

Trước hết là *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030*. Theo đó, đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, với tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 – 40%. Muốn vậy, phải “đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”.

Tiếp nữa là các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục. Quán triệt và kế thừa các quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (NQ29) đóng vai trò đặc biệt quan trọng bởi lẽ NQ29 chính là cương lĩnh định hướng cho sự vận động của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, phù hợp với các khuyến nghị của Diễn đàn kinh tế thế giới về giáo dục sẵn sàng cho tương lai (World Economic Forum, 2015, 2017). Cùng với đó là Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó ngành giáo dục có trách nhiệm hoàn thành mục tiêu 4, với 8 mục tiêu cụ thể, nhằm đảm bảo đến năm 2030 hình thành nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện, thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Một văn bản quan trọng nữa là Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó giáo dục là một lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, hướng tới đổi mới cách dạy và học trong nhà trường trên nền tảng công nghệ số, đào tạo cá thể hóa.

Cuối cùng là các khuyến nghị của các tổ chức quốc tế về giáo dục 2030 như đã trình bày ở trên. Đó là hình ảnh về một hệ sinh thái giáo dục, một mặt hướng đến mục tiêu phát triển bền vững theo Nghị trình giáo dục 2030, mặt khác có sự chuyên đổi về phương thức tổ chức và hoạt động theo hướng giáo dục mở, giáo dục số.

Trên cơ sở các tham chiếu trên, với lưu ý rằng đại dịch covid-19 một mặt đang đe dọa đến các thành tựu của giáo dục, mặt khác đang tạo cú hích cho chuyển đổi số, có thể hình dung về giáo dục Việt Nam 2030 như sau: *Hình thành hệ thống giáo dục số, mở, linh hoạt và liên thông, thúc đẩy giáo dục suốt đời có chất lượng cho mọi người, góp phần thực hiện thành công khâu đột phá chiến lược trong phát triển nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.*

4.2 Tầm nhìn giáo dục Việt Nam đến 2045

Các văn bản liên quan vấn đề này là như sau:

Trước hết là tầm nhìn của Việt Nam đến 2045. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp nữa là các dự báo về thế giới vào những năm 2050.

Về kinh tế, Báo cáo thế giới 2050 dự báo nền kinh tế thế giới có thể tăng hơn gấp đôi về quy mô vào năm 2050, vượt xa tốc độ tăng dân số, do tiếp tục cải tiến năng suất dựa trên công nghệ; bảy nền kinh tế lớn nhất thế giới lần lượt sẽ là Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Indonesia, Braxin, Nga, Mexico; Vương quốc Anh có thể tụt xuống vị trí thứ 10 vào năm 2050, Pháp ra khỏi top 10 và Ý ra khỏi top 20 khi họ bị các nền kinh tế mới nổi đang phát triển nhanh hơn như Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam lần lượt vượt qua; nhưng các nền kinh tế mới nổi cần phải tăng cường đáng kể thể chế và cơ sở hạ tầng của mình nếu họ muốn phát huy tiềm năng tăng trưởng dài hạn (PwC, 2017).

Về xã hội, một số nghiên cứu đã dự báo về việc hình thành xã hội 5.0 (Atsushi Deguchi và cộng sự, 2020) là xã hội trong đó cách mạng công nghệ chuyển trong tâm từ tiến bộ công nghệ cùng thiết bị, máy móc sang vai trò của con người với đổi mới, sáng tạo; đó là xã hội mở đường cho việc chuyển từ Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4 sang CMCN 5, đặc trưng bởi mối quan hệ việc làm cân bằng giữa con người với những thiết bị công nghệ ngày càng thông minh; đó là nơi mà chủ nghĩa nhân văn, sự hòa nhập, tính sáng tạo, y tế, giáo dục và các quyền con người sẽ được bảo đảm và phát triển cùng với lợi nhuận và tiến bộ kỹ thuật số (Kiky Sondh, 2021; Richter, 2020).

Về phát triển bền vững, Viện Quốc tế về Phân tích Hệ thống Ứng dụng đã và đang triển khai Sáng kiến Thế giới vào năm 2050, qua đó nhận định thế giới đang ở ngã ba đường khi mà các mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2030 khó mà đạt được, còn đại dịch Covid-19 lại đang là mối đe dọa khủng khiếp tới nhân loại; việc quay trở lại trạng thái bình thường cũ là không mong muốn và thế giới 2050 phải hướng đến một tương lai bền vững, kiên cường và công bằng với tất cả mọi người; theo đó cần có những tiến bộ đáng kể về năng lực con người thông qua những cải tiến hơn nữa về chăm sóc sức khỏe và giáo dục với tư cách là công cụ cho phép mọi người sống một cuộc sống tự quyết, có việc làm và thu nhập tốt, thực hiện giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, đối phó với các vấn đề môi trường, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu chấm dứt nghèo đói dưới mọi hình thức và giảm bất bình đẳng toàn cầu. (TWI2050 – The World in 2050, 2022).

Cuối cùng là các dự báo về giáo dục năm 2050.

Trên cơ sở những tham chiếu trên, đặc biệt chú ý đến tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu đối với nước ta, cùng với giả định rằng giáo dục Việt Nam 2030 đã đạt được mục đích là hình thành hệ thống giáo dục số, mở, linh hoạt và liên thông thì có thể phác họa về tầm nhìn giáo dục Việt Nam năm 2045 như sau: *Đến năm 2045, xã hội Việt Nam thực sự là xã hội học tập, trong đó hệ thống giáo dục quốc dân đóng vai trò nòng cốt trong một hệ sinh thái giáo dục kiên cường, xanh, số và mở, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời có chất lượng cho mọi người, góp phần tích cực vào việc đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, định hướng xã hội chủ nghĩa.*

5. Kết luận

Những đề xuất trong bài viết này còn thiếu độ tin cậy cần thiết bởi lẽ mới chỉ dựa trên các tư liệu được sưu tầm, tổng hợp và suy luận ít nhiều mang tính cá nhân. Vì thế, bài viết này chỉ giới hạn ở một mong muốn là khơi gợi được, thúc đẩy được sự quan tâm của mọi người

đến việc trao đổi, tranh luận, làm rõ tầm nhìn về giáo dục Việt Nam nói chung, trong đó có giáo dục Đồng Tháp tại thời điểm của hai cột mốc quan trọng là năm 2030 và 2045 khi mà tầm nhìn về sự phát triển của đất nước vào hai thời điểm này đã được chỉ ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030.

Theo dự thảo chiến lược thì mục tiêu tổng quát đến năm 2030 của giáo dục Việt Nam là phát triển toàn diện con người Việt Nam, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm nền tảng cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Đồng thời, xây dựng hệ thống giáo dục mở, phục vụ học tập suốt đời, công bằng và bình đẳng, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045 là xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, xây dựng đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045. Dẫu biết rằng trong 10 năm, 20 năm tới ngành giáo dục sẽ tiếp tục chịu tác động mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế - xã hội luôn diễn biến với nhiều cơ hội và thách thức đan xen, nhưng với thành tựu ngành giáo dục Đồng Tháp đạt được trong thời gian qua, chúng ta vững tin là giáo dục Đồng Tháp sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, vững bước cùng giáo dục cả nước đóng góp đáng kể trong việc phát triển toàn diện con người Việt Nam, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm nền tảng cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐỐI VỚI CẤP THCS HUYỆN TAM NÔNG ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt :

Để bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát huy các kết quả phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đạt được giai đoạn 2015 - 2020, gắn với quan điểm, mục tiêu phát triển giáo dục tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Bên cạnh đó các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án đã được xác định theo từng mốc thời gian cụ thể (*đến năm 2025; đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*), bám sát quy định Trung ương, đồng thời, có các mục tiêu, chỉ tiêu “đột phá”, mang tính đặc trưng, nâng cao vị thế của giáo dục tỉnh Đồng Tháp so với khu vực và cả nước.

Ngoài ra các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án thể hiện được tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; sau đây bản thân sẽ phân tích một số thuận lợi, khó khăn và một số giải pháp để có cái nhìn tổng thể khi thực hiện đề án phát triển giáo dục cấp THCS huyện Tam Nông và đưa ra những kiến nghị để đạt được nhiều hiệu quả cao hơn khi thực hiện đề án phát triển giáo dục của Tỉnh Đồng Tháp.

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 08/8/2022, UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 273/KH-UBND-HC về phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025. Kế hoạch đề ra mục tiêu tổng quát là kế thừa và phát huy những thành tựu phát triển giáo dục của Tỉnh đã đạt được; triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình quy định và các nhiệm vụ, mục tiêu về lĩnh vực giáo dục theo Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, thực hành, ngoại ngữ và tin học cho người học; đẩy mạnh giáo dục chất lượng cao, thực hiện một số mô hình, chương trình giáo dục tiên tiến, hợp tác quốc tế ở các cơ sở giáo dục. Phấn đấu chất lượng giáo dục trong nhóm 03 tỉnh dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Theo đó, tầm nhìn đến năm 2030, ứng dụng mạnh mẽ, tiên phong các công nghệ số, dữ liệu số trong tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, phương thức sống, làm việc, sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên cơ sở kế thừa và phát huy tiềm năng về văn hóa, con người, kinh tế – xã hội địa phương hướng đến phát triển Đồng Tháp thịnh vượng, ổn định và bền vững. Đến năm 2025, Đồng Tháp nằm trong top 25 và đến năm 2030, Đồng Tháp nằm trong top 20 tỉnh, thành có chỉ số chuyển đổi số tốt nhất của cả nước.

B. NỘI DUNG

I. Thực trạng về tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục huyện Tam Nông trong năm học 2021 - 2022

1. Thuận lợi

Mạng lưới trường lớp được đầu tư, xây dựng và phân bổ đến các xã, phường, thị trấn; tỷ lệ phòng học kiên cố tăng, phòng học nhờ, mượn, thuê giảm; số trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng tăng; việc đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh.

Thực hiện hoàn thành công tác phổ cập THCS đúng tiến độ; qui mô và chất lượng đội ngũ CBQL, GV ngày càng phát triển; đại bộ phận đều nêu cao được lòng yêu trẻ, tận tụy công việc, quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng nuôi dạy ở các cơ sở giáo dục.

Ngành giáo dục của huyện đã có những bước phát triển khẳng định và phát huy vị trí vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, tạo được những tiền đề khá vững chắc cho sự nghiệp phát triển giáo dục của Tỉnh.

2. Khó khăn

Cơ sở vật chất của THCS tuy có được quan tâm đầu tư xây dựng nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu phòng học bộ môn. Vẫn còn một số phòng học xuống cấp, và một số điểm trường có diện tích sân chơi còn nhỏ.

Một số trường còn thiếu giáo viên, phải hợp đồng giáo viên khác chuyên ngành hoặc giáo viên chưa có bằng sư phạm chuyên môn tham gia giảng dạy.

Đa số giáo viên môn KHTN; LS&DL chưa được đào tạo chuyên nên chưa đáp ứng kịp thời theo yêu cầu giáo dục phổ thông 2018 nên gây ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Nguyên nhân của những khó khăn

Do nguồn lực của địa phương có hạn, trong khi đó xuất phát điểm cơ sở vật chất ngành học THCS so với các ngành khác thấp nên trong thời gian ngắn không thể đầu tư cơ sở vật chất hoàn chỉnh theo nhu cầu.

Đội ngũ GV THCS thiếu nên ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học; Một số GV THCS lớn tuổi chưa tích cực học hỏi, tự bồi dưỡng, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

Chính sách đãi ngộ đối với GV THCS kịp thời nên đa số GV chưa được tham gia bồi dưỡng trình độ chuyên môn dành cho 2 môn KHTN; LS&DL

II. Một số giải pháp thực hiện hiệu quả đề án phát triển giáo dục của Tỉnh Đồng Tháp

1. Đẩy mạnh thực hiện công nghệ số trong nhà trường

Bồi dưỡng nhận thức và khuyến khích Hiệu trưởng các trường thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Nhà trường tăng cường tuyên truyền để mọi học sinh, cha mẹ học sinh nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động để bản thân học luôn được cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số.

Chỉ đạo có ít nhất 50% trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.

Đẩy mạnh thực hiện đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn về tổ chức, bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả; chuyển từ “quản lý” sang “quản trị” để cải tiến, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu học tập của người dân và xây dựng xã hội học tập.

Tăng cường ứng dụng bài giảng e-learning để thuận tiện cho học sinh có thể tham gia bất cứ lúc nào khi đã đăng ký tài khoản hoạt động và có thể kiểm tra đầu ra bằng các biện pháp xử lý tình huống, giải quyết vấn đề

Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu đến năm 2030 đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục vào môi trường số, trong đó tích hợp kho học số hỗ trợ 100% người học và giáo viên, kết nối 100% thông suốt toàn ngành liên thông với trung tâm giám sát điều hành thông minh của huyện

Tăng cường ứng dụng công nghệ mới, nhất là trong tổng hợp thông tin học tập của người học và người dạy, tạo điều kiện cho người học tiếp cận giáo trình chuẩn hóa theo từng cá nhân, trong đánh giá năng lực và nhu cầu của người học. Thực hiện áp dụng công nghệ mới, sử dụng các công cụ đa năng như máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử, bảng điện tử thông minh, giáo trình điện tử, nhất là các phần mềm dạy học. Theo đó, việc tổ chức lớp học, giao bài tập, giới hạn thời gian, kiểm tra bài, cung cấp tài liệu, nhận phản hồi, điều chỉnh hoạt động của học sinh... đều được triển khai và thao tác đồng bộ trên máy tính

Đồng thời cần đặc biệt quan tâm đầu tư để thư viện điện tử của trường ngày một phong phú các thông tin, các giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo...

Xây dựng hệ thống tài liệu học tập cho tất cả các môn học, kết nối thư viện điện tử với các trường trong huyện để sử dụng nguồn dữ liệu chung, tư liệu sẵn có phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh.

2. Hoàn thiện về tổ chức bộ máy và tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục được giao, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý cũng như quy mô phát triển của Nhà trường, cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo được thiết lập trên cơ sở hiện có; tiếp tục kiện toàn bộ máy, bổ sung chức năng, nhiệm vụ đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với Nghị quyết trung ương 6 khóa XII.

Rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ, triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm phù hợp với sự phát triển. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Nghiên cứu, áp dụng các cơ chế tạo động lực cho người lao động, xây dựng đội ngũ người lao động trách nhiệm, tâm huyết, năng động, sáng tạo.

Có kế hoạch đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các môn KHTN, LS&DL, ngành mũi nhọn (BDHSG) và yêu cầu phát triển cán bộ quản lý. Trong phương hướng, dự kiến đến năm 2025 có ít nhất từ 1 - 2 tiến sĩ, 15 người học thạc sĩ; có khoảng từ 6 - 10 đồng chí học cao cấp LLCT và từ 8 - 15 đồng chí học trung cấp LLCT. Trong chiến lược phát triển, cần đào tạo có chiều sâu, bám sát yêu cầu đổi mới.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để cử giáo viên đào tạo, bồi dưỡng năng lực đáp ứng yêu cầu công việc. Việc đào tạo bồi dưỡng phải kết hợp vừa bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch và tự bồi dưỡng, trong đó coi trọng việc tự bồi dưỡng là điều kiện tốt nhất để nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

3. Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Tiếp tục khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, đầu tư xây dựng các nhà trường đạt chuẩn theo tiêu chí trường học chất lượng cao.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó có kế hoạch đầu tư kinh phí cho Nhà trường tiến hành xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phân chia rõ giai đoạn đầu tư ngắn hạn 1-2 năm, trung hạn 3-5 năm, dài hạn 5 năm trở lên với phương châm đầu tư hoàn thiện trang thiết bị theo nhu cầu sử dụng đảm bảo đồng bộ, đồng thời hàng năm cần có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cấp trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác giảng dạy của Trường, chỉ đạo các trường tiến hành đồng bộ, định kỳ được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế bảo đảm đáp ứng điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập và sinh hoạt của giáo viên và học sinh.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy và học tập. Nâng cao chất lượng, tính thiết thực của các đề tài cấp cơ sở, tăng số lượng các đề tài cấp tỉnh, các bài báo, tạp chí khoa học.

Xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ, khen thưởng hợp lý đối với giáo viên có tay nghề giỏi, cán bộ có năng lực, nhiều đóng góp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển khoa học và công nghệ trong học sinh.

Gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của nhà trường.

Khuyến khích nhà trường thành lập câu lạc bộ KHKT, STEM để từ đó phát hiện những ý tưởng sáng tạo của học sinh thúc đẩy sự vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại và thông qua các buổi giao lưu học sinh khởi nghiệp giữa các trường để học sinh làm chủ công nghệ và tận dụng lợi thế từ sự phát triển của thời đại.

Đặc biệt là huy động được nguồn vốn từ doanh nghiệp, từ các quỹ để có kinh phí triển khai các dự án vào thực tế, để khắc phục một trong những khó khăn, bất lợi nhất của các dự án trong quá trình triển khai.

Tăng cường thỉnh giảng các chuyên gia, các cán bộ giỏi và có kinh nghiệm từ các cuộc thi để bồi dưỡng thường xuyên nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên ý nghĩa các cuộc thi qua đó góp phần nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh: Thành lập được nhóm nghiên cứu có khả năng tiếp cận các hướng nghiên cứu có thể mạnh để đủ khả năng hợp tác nghiên cứu khoa học với các chuyên gia của tỉnh khác.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án phát triển giáo dục của tỉnh Đồng Tháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và ứng dụng khoa học công nghệ vào giáo dục tạo tiền đề giúp cho nhà trường nói riêng và Phòng giáo dục nói riêng đạt được sự thắng lợi trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo;

Bên cạnh đó mỗi trường cần có sự quyết tâm cao, sát sao chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường để có các quyết sách và cách triển khai phù hợp với đặc thù mỗi trường.

Song song đó góp phần đẩy mạnh công tác truyền thông trong nhà trường để tạo sự đồng thuận trong xã hội và các địa phương để bản thân mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhìn nhận rõ trách nhiệm của mình một cách tổng thể.

2. Kiến nghị

2.1 Đối với Sở giáo dục và đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã để tổ chức triển khai thực hiện kịp thời Đề án

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện thị xã, thành phố và nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phù hợp với quy mô đơn vị

- Tham mưu với UBND tỉnh để cấp kinh phí thực hiện Đề án

- Tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên để giúp các cơ sở thực hiện có hiệu quả Dự án

2.2 Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện đề án ngay khi dự án được phê duyệt

Tham mưu với SGD để mua sắm kịp thời thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ đầu năm học

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu GV ở từng môn học, lớp học, cấp học để xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thực hiện CT GDPT 2018 phù hợp với kế hoạch của Bộ.

Rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng CSVN hiện có, trên cơ sở đó điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng; xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, bảo đảm đủ điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018;

Lập kế hoạch chi tiết cụ thể, tổ chức thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, trường, lớp học đáp ứng điều kiện tối thiểu để thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định tại Nghị quyết 51 của Quốc hội.

2.3. Đối với lãnh đạo nhà trường

Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án, đặc biệt ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường sao cho phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GDĐT về ngành giáo dục đến tất cả CBQL, GV, NV và CMHS của nhà trường.

Đánh giá và đề xuất kế hoạch bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT mới;

Sửa chữa, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng; xây dựng kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, tự làm thiết bị dạy học và lựa chọn SGK để thực hiện CT GDPT.

Kịp thời phát hiện những khó khăn và có các biện pháp xử lý hiệu quả khi phát sinh; tổng hợp ý kiến các tổ/nhóm chuyên môn và báo cáo sở GDĐT trong quá trình thực hiện đề án.

Tiếp tục thực hiện xã hội hoá sách giáo khoa đối với học sinh khối 6,7, 9 để mỗi lớp đều có một tủ sách giáo khoa để học sinh sử dụng cho một môn học, đồng thời cũng không phải đem sách đi học hằng ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Kế hoạch 267/KH-UBND 2022 xây dựng Đề án phát triển giáo dục Đồng Tháp đến 2030 (thuvienphapluat.vn)
- [2]. Kết quả 03 năm triển khai thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh ... (dongthap.edu.vn)
- [3]. Nghị quyết số 29/NQ-TU ngày 04/1/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
- [4]. Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông
- [5]. Đề án "Phát triển Giáo dục phổ thông giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030" (vinhlong.edu.vn)
- [6]. Hỏi đáp về những vấn đề chung (2018), Ban phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [7]. Nguyễn Thu Hà (2014), “Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực giáo dục: Một số vấn đề lý luận cơ bản”, *Tạp chí khoa học ĐHQG Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, Tập 30, số 2.
- [8]. Tài liệu truyền thông về Chương trình Giáo dục phổ thông (2018), Ban phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [9]. Đinh Quang Báo (2016), “Đổi mới chương trình và SGK GDPT – Những vấn đề đặt ra và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai*, số 02.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN QUANG ĐIỀU GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Quang Điều

I. SƠ NÉT VỀ HIỆN TRẠNG TRƯỜNG CHUYÊN CỦA ĐƠN VỊ TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN QUANG ĐIỀU

Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Điều được UBND Tỉnh ra quyết định thành lập vào ngày 08/7/2011 theo Quyết định số 91/QĐ-UBND-TL. Đến nay, sau hơn 10 năm thành lập, nhà trường đã có những bước phát triển về qui mô và chất lượng đáng ghi nhận:

1. Về qui mô, cơ sở vật chất

Từ ngày đầu thành lập với qui mô 19 lớp với 559 học sinh, đến năm học 2022-2023 này toàn trường có 34 lớp với 1194 học sinh. Trong đó có 29 lớp chuyên gồm các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Anh Văn và 5 lớp không chuyên.

Cơ sở vật chất hoàn thiện, với đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, khu kí túc xá dành cho học sinh ở xa, nhà thi đấu đa năng, sân chơi bãi tập hoàn thiện đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Công trình hội trường lớn đang thi công xây dựng cũng sắp hoàn thành. Khi đưa vào sử dụng sẽ giúp nhà trường đa dạng, có nhiều lựa chọn hơn trong công tác giáo dục học sinh.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Toàn trường có tất cả 83 CBQL, GV và NV. Trong đó CBQL: 3 (1 nữ); Giáo viên: 64; Nhân viên: 16.

Cán bộ quản lý nhà trường đạt trình độ trên chuẩn về chuyên môn, có trình độ cao cấp lý luận chính trị 2/3 người và 1/3 người có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Giáo viên đạt 60% có trình độ trên chuẩn, trong đó có 2 giáo viên được đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài. Khả năng sử dụng tin học của giáo viên được nâng cao, phục vụ tốt cho việc dạy học online trong tình hình thực tế.

Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp nâng cao năng lực và phát huy tiềm năng của bản thân như lớp “Giá trị sống”, lớp “Nâng cao năng lực giáo viên hiện đại”,...

3. Chất lượng giáo dục

Tỉ lệ học sinh giỏi tăng qua các năm, năm học 2021-2022 học sinh giỏi của trường đạt tỉ lệ 96,53%, phần lớn học sinh đạt khá giỏi về tin học, có nhiều học sinh đặc biệt là gần 50% học sinh ở các lớp Chuyên Anh đạt bậc 3 trình độ ngoại ngữ.

Tỉ lệ học sinh đậu vào các trường đại học là 100%, trong đó có trên 70% học sinh các lớp chuyên đã tốt nghiệp THPT được đào tạo tại các trường đại học chất lượng cao trong nước cũng như tại trường đại học có uy tín ở nước ngoài.

Tổ chức dạy học ngoại ngữ tăng cường kỹ năng cơ bản theo nguyện vọng của học sinh đối với các ngoại ngữ: tiếng Anh, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

Kỳ thi hội thi: Học sinh nhà trường tham gia đa dạng các kì thi hội thi từ cấp tỉnh cấp khu vực, quốc gia, quốc tế và đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Từ năm học 2011-2012 đến năm học 2021-2022 học sinh nhà trường đạt được 80 giải quốc gia và nhiều giải cấp tỉnh và khu vực (Có phụ lục đính kèm). Đặc biệt trong năm 2018 trường có 01 học sinh đạt Huy chương đồng Olympic Toán quốc tế được tổ chức tại Rumani.

- Hợp tác quốc tế:

+ Đón tiếp và giao lưu với các đoàn sinh viên quốc tế từ tổ chức AIESEC.

+ Tiếp nhận 3 trợ giảng Tiếng Anh chương trình Fulbright vào các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2022-2023 và 2 giáo viên xuất sắc của Fulbright đến làm việc với trường vào các năm 2017-2018 và 2022-2023.

+ Đón đoàn giáo viên và học sinh đến từ Bang Sachsen của Cộng hòa Liên bang Đức tham quan trường và chia sẻ mô hình phân loại và tái chế rác thải tại trường.

- Các hoạt động giáo dục:

+ Nhà trường quan tâm đến việc giáo dục cho học sinh phát triển toàn diện, nên các hoạt động giáo dục của nhà trường cũng được thực hiện đa dạng, cụ thể:

+ Giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống: Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm từng tháng cho tất cả các khối lớp. Đặc biệt xây dựng mới một số chuyên đề như: Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Khởi nghiệp, Yêu thương, Trách nhiệm, STEM.

+ Hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục STEM.

+ Nghiên cứu khoa học.

+ Câu lạc bộ đội nhóm.

Có hơn 28 CLB đội nhóm được thành lập, thu hút hơn 90% học sinh đăng ký tham gia góp phần tạo nên sân chơi lành mạnh và bổ ích cho các em.

Bên cạnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm còn có hơn 28 câu lạc bộ đội nhóm thu hút hơn 90% học sinh tham gia sinh hoạt thường xuyên thuộc các lĩnh vực: Các câu lạc bộ đội nhóm theo sở thích; các câu lạc bộ hoạt động xã hội; các câu lạc bộ khoa học; các câu lạc bộ thể thao và văn nghệ. Tất cả các câu lạc bộ đều do học sinh làm chủ nhiệm, Ban chủ nhiệm chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động và dưới sự cố vấn của giáo viên. Các hoạt động tăng lên về số lượng và chất lượng.

Trường đạt chuẩn quốc gia năm 2015 và được kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 3 vào năm 2018.

4. Đánh giá chung

Mười năm là một hành trình không quá dài, nhưng cũng cho thấy nhà trường đã có những bước tiến khá nhanh về cả qui mô và chất lượng. Học sinh của nhà trường được đánh giá là tự tin, năng động đảm bảo đủ điều kiện để tiếp tục và các trường đại học chất lượng trong và ngoài nước, được xã hội công nhận và tin tưởng.

Bên cạnh những việc đạt được cũng còn những mặt qua thống kê thể hiện chưa bền vững, đặc biệt là kết quả trong các kỳ thi HSG quốc gia. Trong đó nguyên nhân chủ yếu nằm ở chất lượng đội ngũ giáo viên cốt cán, có khả năng bồi dưỡng chuyên sâu đang thiếu hụt nghiêm trọng về số lượng và cả chất lượng. Có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giáo viên nhà trường đang diễn ra quá trình chuyển giao thế hệ. Những giáo viên cốt cán có năng lực chuyên sâu được điều động về trường, nay hầu hết đã đến tuổi nghỉ hưu. Mặc dù công tác tuyển chọn bổ sung luôn được Sở Giáo dục quan tâm hỗ trợ, bản thân nhà trường cũng rất tích cực, tuy nhiên qua thành tích học sinh giỏi những năm vừa qua đòi hỏi nhà trường phải có nhiều giải pháp hữu hiệu hơn nữa.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CỐT CÁN Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN QUANG ĐIỀU GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045

Trong chiến lược phát triển nhà trường, giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mong muốn có được kết quả kỳ thi học sinh giỏi quốc gia tốt và bền vững thì công tác phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán mang tính then chốt.

Với nhận định như trên nhà trường xin được đề xuất một số giải pháp như sau:

1. Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên ở Đồng Tháp giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

1.1. Mục tiêu của giải pháp

Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV cốt cán trong các trường THPT chuyên ở Đồng Tháp từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đáp ứng được mục tiêu và chiến lược phát triển hệ thống trường chuyên của Bộ Giáo dục và của tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Nội dung của giải pháp

Dự báo tình hình kinh tế – xã hội và sự đáp ứng của GD chuyên cho sự phát triển kinh tế – xã hội của Đồng Tháp và của toàn quốc.

Dự báo nhu cầu phát triển quy mô đào tạo, các loại hình đào tạo, các ngành nghề đào tạo để dự báo đội ngũ GV trong những năm kế tiếp.

Dự báo về số lượng, nhu cầu GV và HS THPT có nguyện vọng được tham gia giảng dạy và học tập tại các trường chuyên và xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội

ngũ GV dạy chuyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng GD Đồng Tháp. Cụ thể:

- Về chất lượng: Xây dựng đội ngũ GV cốt cán có đủ phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, giỏi về chuyên môn và xuất sắc trong nghiệp vụ dạy học, giáo dục; đồng thời còn có khả năng giúp đỡ đồng nghiệp trong việc phát triển nghề nghiệp.

- Về số lượng: Đảm bảo đủ số lượng tối thiểu có khả năng thực hiện chức năng giảng dạy, phát hiện và hướng dẫn những học sinh có năng lực chuyên biệt có thể phát triển niềm đam mê nghiên cứu khoa học, đảm bảo có lực lượng kế thừa khi có biến cố về số lượng GV cốt cán cần thay đổi bổ sung. Chú trọng xây dựng mạng lưới GV cốt cán trong hệ thống THPT nói chung và đặc biệt là các trường chuyên của Đồng Tháp đảm bảo tinh thần chia sẻ, hợp tác, giải quyết được tình trạng thừa thiếu cục bộ.

Dự báo phát triển về trình độ đội ngũ GV để tạo điều kiện cho GV cốt cán trong quy hoạch được đào tạo bồi dưỡng, rèn luyện thực tế, tích lũy kinh nghiệm.

Nghiên cứu cơ sở lý luận về xây dựng dự báo, quy hoạch đội ngũ GV THPT tỉnh Đồng Tháp.

Nghiên cứu các đề án phát triển của các trường chuyên đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều tra hiện trạng đội ngũ GV cốt cán trong các trường THPT chuyên ở Đồng Tháp.

Thông qua khảo sát, đánh giá đội ngũ GV cốt cán trong các trường chuyên, tiến hành phân tích số lượng, cơ cấu, chất lượng GV hiện có. Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV cốt cán theo chu kỳ, từng học kỳ, từng năm và trong những năm kế tiếp, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch, nội dung bồi dưỡng cần chú ý đến việc bố trí thời gian thích hợp trong năm, phù hợp với kế hoạch của cá nhân và của nhà trường. Nhà trường cần tạo điều kiện cho các GV nằm trong quy hoạch có cơ hội tham dự các hội thảo, tập huấn chuyên môn đặc thù của GV chuyên được tổ chức hàng năm của Bộ Giáo dục, có cơ hội tiếp cận các chuyên gia hàng đầu theo từng lĩnh vực, có cơ hội giao lưu chia sẻ với những GV cốt cán khác trong toàn quốc.

- Cần chú ý đến việc tạo nguồn tài chính thích hợp; tạo điều kiện có đủ CSVC, thiết bị phục vụ cho việc bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của đội ngũ GV.

- Huy động mọi nguồn tài chính cho công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng theo cơ chế thích hợp như: kinh phí của chương trình bồi dưỡng GV, kinh phí bồi dưỡng đội ngũ của các trường THPT chuyên theo đề án phát triển trường chuyên của tỉnh, kinh phí tự túc cá nhân, kinh phí hỗ trợ của các đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Quy hoạch GV cốt cán phải gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng. Nếu chỉ có quy hoạch mà không chú ý đến đào tạo, bồi dưỡng, để GV tự thân vận động sẽ dẫn đến tình trạng GV khó định hướng phấn đấu, chậm trưởng thành.

- Công tác quy hoạch đội ngũ GV cốt cán phải được tiến hành dân chủ và công khai. Cần nhắc cụ thể và kỹ lưỡng mọi điều kiện quy hoạch GV. Tách bạch giữa công tác nhân sự và công tác quy hoạch. Xây dựng chương trình quy hoạch cán bộ dự bị.

1.3. Cách thức thực hiện giải pháp

- Quy hoạch cần được trao đổi và thống nhất ý kiến trong lãnh đạo trường, phòng Tổ chức cán bộ của Sở GDĐT, đảm bảo đúng các chủ trương của tỉnh nhất là những dự định quan trọng như: Đề bạt, đi học, thuyên chuyển...

- Quy hoạch phải được thông qua trong chi bộ và hội nghị cán bộ công chức trong nhà trường.

- Trước khi lập quy hoạch phải điều tra cơ bản toàn diện về GV, phải xác định mặt mạnh, mặt yếu của từng GV.

- Cần nhắc cụ thể và kỹ lưỡng mọi điều kiện quy hoạch GV cốt cán. Phải coi trọng việc tạo nguồn GV cốt cán; chọn GV cốt cán tạo nguồn phải đáp ứng được các tiêu chuẩn chung, phải đúng người, đúng việc và đúng vị trí và tài năng.

- Công tác quy hoạch là công tác thường xuyên trong nhà trường, quy hoạch phải đảm bảo tính “Mở”, tức là cơ hội dành cho mọi đối tượng trong nhà trường có đủ năng lực, phẩm chất đảm bảo đáp ứng chức năng của từng vị trí; và quy hoạch cũng phải đảm bảo tính “Động” để những cá nhân nằm trong quy hoạch phải không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực bản thân.

- Trong công tác quy hoạch cần tránh chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi, bè phái hoặc có quan điểm không rõ ràng, dễ dãi, bỏ qua tiêu chuẩn.

2. Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng

2.1. Ý nghĩa

- Hiện nay, để nâng cao chất lượng của mỗi trường, HS là nhân tố hàng đầu và GV là nhân tố hàng đầu. Việc chăm lo xây dựng đội ngũ GV trong các trường chuyên là một trong những giải pháp đúng đắn, là bước đi đầu tiên vô cùng quan trọng. Trong đó khâu tuyển dụng bố trí sắp xếp giáo viên một cách hợp lý sẽ là khâu then chốt đầu tiên cần được quan tâm trong công tác xây dựng đội ngũ.

2.2. Nội dung đổi mới công tác tuyển dụng bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên

- Mặc dù trong những năm qua Sở GDĐT Đồng Tháp đã có chủ trương tổ chức thi tuyển bổ sung GV vào các trường chuyên, bước đầu cũng tạo được sự đồng thuận trong xã hội nói chung và ngành Giáo dục tỉnh nhà nói riêng. Đây là một chủ trương đúng đắn trong việc từng bước giao quyền tự chủ cho các cơ sở và đặc biệt phù hợp đối với các trường chuyên. Tuy

nhiên, để công tác tuyển dụng, bố trí sắp xếp trong các trường chuyên phát huy nhiều tác dụng hơn nữa trong công tác phát triển đội ngũ đòi hỏi ngành Giáo dục Đồng Tháp cần tiếp tục có những hướng đi mạnh mẽ và quyết liệt hơn, chúng tôi mạnh dạn đề xuất các giải pháp sau:

2.2.1 Về công tác tuyển dụng

Thứ nhất là mở rộng đối tượng tham gia tuyển chọn không bắt buộc đối tượng là GV có biên chế hoặc hộ khẩu trong tỉnh.

Thứ hai là cần bổ sung tiêu chí ưu tiên cho các sinh viên được đào tạo từ các trung tâm sư phạm uy tín trong nước như Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội I chỉ cần tốt nghiệp loại khá trở lên trong khi các trường Đại học khác phải tốt nghiệp loại xuất sắc hoặc là thủ khoa, á khoa.

Thứ ba là khuyến khích các trường chuyên xây dựng mối liên hệ thường xuyên với trường sư phạm để nắm bắt nguồn sinh viên có chất lượng tốt ra trường hàng năm để mời gọi về tham gia thi tuyển bổ sung vào trường.

Thứ tư là xây dựng mô hình hợp đồng thử việc thời gian 6 tháng hoặc một năm trước khi tham gia kì thi dự tuyển chính thức. Việc làm này một mặt giúp nhà trường có nhiều thời gian tìm hiểu và đánh giá kĩ hơn năng lực, phẩm chất nghề nghiệp của đối tượng dự tuyển có phù hợp nhu cầu tuyển dụng; mặt khác cũng giúp bản thân những GV có nhu cầu tham gia dự tuyển có cơ hội giao lưu, tiếp cận môi trường làm việc mới đồng thời cũng đánh giá được phần nào khả năng hoà nhập của mình nếu được tuyển vào trường chuyên. Cách làm này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro trong tuyển dụng.

Thứ năm là tham mưu Sở GDĐT Đồng Tháp xin chủ trương của UBND tỉnh cho phép các trường THPT chuyên tùy theo nhu cầu có thể được phép thỉnh giảng một số chuyên gia, các nhà khoa học trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, giáo dục và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

Thứ sáu là tham mưu Sở GDĐT Đồng Tháp đề xuất với UBND tỉnh một số chính sách thu hút nhân tài về công tác tại Đồng Tháp. Đồng thời tỉnh cần có chủ trương xây dựng liên kết đào tạo một số chỉ tiêu theo hướng tạo nguồn chất lượng cao tại các trường đại học trọng điểm. Nguồn được chọn lựa từ các học sinh có phẩm chất tốt, từng tham gia các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

2.2.2. Về công tác bố trí sắp xếp

Dựa trên đội ngũ hiện có, việc bố trí sắp xếp vị trí từng cá nhân trong tổ chuyên môn và trong nhà trường quyết định năng suất hiệu quả công việc.

- Người GV cốt cán cần hội tụ những tiêu chí:

+ Thứ nhất, đạo đức và sự tận tâm để đảm bảo cho mọi HS chuyên được thụ hưởng nền tảng giáo dục cơ bản đảm bảo cho sự phát triển toàn diện.

+ Thứ hai, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu phân hoá và nhu cầu phát triển riêng biệt của mỗi học sinh chuyên, vì rằng “Khoa học và nghệ thuật nếu không có cá tính thì không tạo được sự cộng hưởng với công chúng”.

+ Thứ ba, giao tiếp và hợp tác để chấp nhận và khuyến khích sự đa dạng, tạo sự đồng thuận và sự tham gia của các đối tượng, các thành phần khác nhau trong phát hiện, ươm mầm bồi dưỡng năng khiếu và đào tạo nhân tài.

+ Thứ tư, sáng kiến và sự thích ứng nhạy cảm và linh hoạt, khích lệ sự thi đua cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng, biết khơi dậy sự đam mê và tạo động lực cho mỗi HS.

– Các tổ bộ môn trên cơ sở thực tiễn giảng dạy, giáo dục và NCKH của từng GV đề khẳng định năng lực, phẩm chất nghề nghiệp của họ; từ đó phát hiện, xem xét, đề nghị hiệu trưởng bồi dưỡng, bố trí nhiệm vụ để những GV nổi trội về phẩm chất, năng lực tiếp cận với công tác quản lý chuyên môn; tổ chức cho tập thể GV trong tổ bộ môn đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn và NCKH. Cần chú ý rằng GV cốt cán không phải tự nhiên mà có, cũng không phải chỉ giỏi chuyên môn là đủ. Đội ngũ GV cốt cán là sự phát hiện, bồi dưỡng, phải được thừa nhận, tôn vinh của cả GV trong tổ; trong nhà trường; đồng thời phải có một số kiến thức và kỹ năng quản lý. Khi đó người GV cốt cán mới có sức thu hút, qui tụ các GV khác, thực sự phát huy vai trò đầu tàu của mình.

– Việc phát hiện các GV cốt cán có thể thông qua dự giờ, hội giảng và dựa vào sản phẩm dạy học, NCKH của GV. Những GV đầu đàn thường có khả năng xuất hiện nhiều trong hai nhóm:

+ Nhóm GV đã qua giảng dạy nhiều năm ở trường chuyên, có trình độ đào tạo chuẩn hoặc trên chuẩn. Số GV này thường có kinh nghiệm giảng dạy, có uy tín trong đội ngũ GV, giảng dạy tốt, vững vàng về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt.

+ Nhóm GV mới được tuyển dụng về trường, có trình độ đào tạo đạt chuẩn hoặc trên chuẩn. Số GV này tuy có thời gian giảng dạy ngắn nhưng có thể sớm bộc lộ chuyên môn sâu, sắc sảo trong NCKH, có năng lực tìm tòi sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ tin học, nhanh nhạy và thích đổi mới.

– Trong công tác bố trí sắp xếp đội ngũ cần có tầm nhìn xa, chú ý tính kế thừa, mạnh dạn giao việc cho những GV mới có tiềm năng phát triển.

2.3. Quy trình tuyển dụng bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên cốt cán

– Căn cứ trên quy hoạch phát triển đội ngũ và nhu cầu thực tế, các tổ chuyên môn tham mưu với nhà trường phương án tuyển dụng và bố trí sắp xếp theo từng năm.

– Dựa vào kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp hàng năm, đánh giá hiệu quả năng lực từng vị trí GV cốt cán hiện tại và trong quy hoạch, xem xét ý kiến đề xuất của tổ chuyên môn, tùy theo từng trường hợp, Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt phương án bố trí sắp xếp sử dụng

GV theo từng học kì hay từng năm học hoặc gửi văn bản xin chủ trương tuyển dụng bổ sung GV.

3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên

3.1. Ý nghĩa

Trên cơ sở nguồn GV cốt cán đã được phát hiện, các trường chuyên tiếp tục có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng những năng lực cần thiết như: Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ, tin học và khả năng nghiên cứu khoa học, kiến thức quản lý,... Việc đào tạo bồi dưỡng nhằm phát hiện đội ngũ GV cốt cán cần thực hiện theo các mục tiêu gần và mục tiêu xa, đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ GV trong tổ bộ môn và trong nhà trường.

3.2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

Từ mục tiêu và thực trạng của đội ngũ, chúng tôi đề xuất một số nội dung cần bồi dưỡng cho đội ngũ GV chuyên như sau:

3.2.1. Về nhận thức chung, cần bồi dưỡng cho GV

– Tình hình chung về giáo dục trên thế giới, phương thức tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi của các nước có nền giáo dục phát triển; quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về công tác phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi; những văn bản pháp qui về trường chuyên, về tổ chức các kì thi học sinh giỏi trong nước và quốc tế.

– Vai trò nhiệm vụ của trường THPT chuyên, vị trí của từng bộ môn chuyên; mục tiêu bồi dưỡng học sinh giỏi của từng bộ môn.

– Đại cương về tâm lý học sinh giỏi: Các dấu hiệu, những biểu hiện mang tính đặc trưng của những học sinh có năng lực đặc biệt về từng lĩnh vực.

– Đại cương về phương pháp dạy học môn chuyên, đặc thù trong việc dạy môn chuyên.

– Kinh nghiệm, cách tổ chức để phát hiện học sinh giỏi, phương pháp tổ chức để bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức học sinh tự học và tập dượt nghiên cứu khoa học.

3.2.2. Về chuyên môn, cần bồi dưỡng GV

– Ngoại ngữ, tin học làm công cụ đọc, dịch tài liệu, giúp GV có thể trực tiếp hoặc gián tiếp trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp trong và ngoài nước.

– Kiến thức cơ sở của bộ môn.

– Chương trình tối thiểu cho mỗi môn chuyên, nội dung của từng chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi của mỗi bộ môn.

– Kỹ năng lắp đặt, khai thác sử dụng các phương tiện dạy học và các thiết bị thí nghiệm hiện đại....

3.3. Cách thức thực hiện

3.3.1. Đa dạng trong hình thức tổ chức

Do quỹ thời gian để tổ chức bồi dưỡng GV rất hạn chế nên việc tổ chức bồi dưỡng cần đa dạng linh động phù hợp với đối tượng có nhu cầu khác nhau. Các hình thức bồi dưỡng có thể là:

- Cử GV đi học dài hạn (Thạc sĩ, Tiến sĩ).
- Tổ chức các lớp tập huấn trung ngắn hạn.
- Tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu theo chuyên đề.
- Tổ chức bồi dưỡng từ xa: Bồi dưỡng qua việc tự nghiên cứu tài liệu, qua internet, qua radio, băng, đĩa,....

3.3.2. Chú trọng công tác bồi dưỡng tại chỗ cho đội ngũ GV dạy chuyên

- Thứ nhất là tạo ra môi trường, cơ chế và điều kiện làm việc cho GV:
 - + Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, dân chủ:
 - * Môi trường làm việc cởi mở thân thiện trên cơ sở tôn trọng các qui định chung chính là nền tảng thực hiện các nhiệm vụ khác trong nhà trường.
 - * Nuôi dưỡng nhiệt huyết của GV ngay từ khi họ mới về trường.
 - * Xây dựng định hướng về chuyên môn, cải tiến phương pháp giảng dạy để GV luôn có ý thức rèn luyện trong từng giờ lên lớp.
 - * Tạo ra áp lực và động lực vừa đủ để GV có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và tìm được hứng thú trong công việc.
 - + Hỗ trợ cho GV nâng cao trình độ ngoại ngữ tin học bằng cách nhà trường tổ chức lớp học ngoại ngữ, tin học dành cho GV; tổ chức cho GV hỗ trợ lẫn nhau đọc, dịch tài liệu, khai thác tài liệu từ mạng internet.
 - + Tạo cho GV có phương tiện, thông tin tài liệu để làm việc bằng cách nhà trường trang bị các thiết bị như máy tính, mạng internet, máy quay, máy ghi âm, máy ảnh, projecter, bảng tương tác,...; bổ sung và cập nhật sách báo, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thường xuyên vào thư viện; bổ sung phần mềm hỗ trợ giảng dạy, tài liệu số, các CD chức thông tin, tư liệu của đồng nghiệp.
 - + Tạo điều kiện cho GV có cơ hội ổn định cuộc sống riêng, không lo lắng nhiều trước nhu cầu và áp lực của cuộc sống đời thường.
- Thứ hai là bồi dưỡng GV thông qua việc phân công nhiệm vụ:
 - + Trong mỗi nhiệm vụ, phân công đan xen các thế hệ GV. Đào tạo người kế cận được coi là nhiệm vụ quan trọng của những GV đi trước. Việc phân công đan xen các thế hệ GV giúp cho những GV đi trước chuyển giao kinh nghiệm cho những GV trẻ và cập nhật kiến thức mới từ GV trẻ.

+ Tạo cơ hội để GV sớm được dạy toàn chương trình, được dạy sâu một số chuyên đề, được dạy các đối tượng học sinh khác nhau. GV không phải là người chuyên làm công tác nghiên cứu, họ chỉ nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu công việc cụ thể. Vì vậy, nếu thiếu môi trường và đối tượng làm việc, họ sẽ không có nhu cầu học tập và nghiên cứu. Giao nhiệm vụ cụ thể cho họ chính là tạo ra môi trường và động lực để họ tự học, tự nghiên cứu và tự trưởng thành.

+ Giao nhiệm vụ hướng dẫn học sinh tập dượt nghiên cứu khoa học. Hướng dẫn học sinh tập dượt nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ của GV dạy môn chuyên. Thông qua nhiệm vụ này, GV cần phải rút ra kinh nghiệm học tập của bản thân để hướng dẫn học sinh. Đây cũng là cơ hội cho GV tìm tòi nội dung, hình thức, phương pháp mới để tổ chức cho học sinh tập dượt nghiên cứu, tổ chức thảo luận. Đây còn là cơ hội cho GV hiểu học sinh nhiều hơn, học tập chính học sinh của mình (trong việc học môn chuyên, GV học cách tư duy, cách đặt vấn đề, phân biện vấn đề... của học sinh là điều thường xuyên và cần thiết).

+ Giao nhiệm vụ mỗi GV phải nghiên cứu sâu ít nhất một đề tài trong năm. Quá trình GV sưu tầm tài liệu, hoàn thành các báo cáo, chuyên đề, bài giảng chính là quá trình tự học tập.

- Thứ ba là bồi dưỡng GV thông qua hoạt động theo nhóm chuyên môn:

+ Mỗi buổi sinh hoạt nhóm chuyên môn cần được xác định là một buổi bồi dưỡng lẫn nhau. Các nhóm chuyên môn phân công mỗi người nghiên cứu sâu một chuyên đề và trình bày nội dung chuyên đề để cả nhóm cùng tiếp thu, bổ sung góp ý hoàn thiện. Việc làm này có ý nghĩa:

* Các thành viên trong nhóm kế thừa kết quả làm việc và công sức, trí tuệ và kinh nghiệm của nhau.

* Mọi GV đều phấn đấu khẳng định bản thân trước đồng nghiệp. Đó chính là áp lực và động lực để GV không ngừng tự học, tự nghiên cứu.

* Các chuyên đề được tập hợp lại thành tài liệu dùng chung của GV, làm tài liệu để học sinh học tập.

* GV mới về trường sớm tiếp thu nội dung giảng dạy và kinh nghiệm của đồng nghiệp GV đi trước.

- Thứ tư là bồi dưỡng thông qua việc giao lưu chia sẻ kinh nghiệm với các trường bạn, chia sẻ kinh nghiệm trên các diễn đàn, tạp chí chuyên ngành

+ Tổ chức cho GV được giao lưu với đồng nghiệp để mỗi GV có cơ hội tự đánh giá mình, nâng cao ý thức tự giác, tự trọng.

+ GV nên tham gia giao lưu trên các diễn đàn về giáo dục. Việc giao lưu trên các diễn đàn là một biện pháp tự học có hiệu quả. Giáo viên tham gia giải quyết các vấn đề do đồng nghiệp, học sinh đặt ra; nêu những vấn đề tồn tại, ý tưởng của bản thân để đồng nghiệp, học

sinh cùng giải quyết. Những quan điểm, ý tưởng của bản thân mỗi người tham gia diễn đàn luôn được học sinh, đồng nghiệp phân tích và đánh giá một cách khách quan nhất. Đó chính là cách tự đánh giá bản thân tốt nhất.

+ Đọc, tham gia viết bài, giải bài và hướng dẫn học sinh giải bài trên các tạp chí chuyên môn dành cho GV và học sinh phổ thông.

- Thứ năm là bồi dưỡng GV thông qua việc tham gia mạng lưới chuyên môn của sở Giáo dục Đồng Tháp, thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu: Với quan niệm “Môi trường làm việc là trường học”, nhà trường nên động viên, tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động chuyên môn do cấp trên tổ chức.

- Thứ sáu là mời chuyên gia, giáo sư về bồi dưỡng tại trường cho GV, học sinh

+ Mời chuyên gia giáo dục học về bồi dưỡng, cập nhật cho GV về quan điểm mới trong dạy học.

+ Mời các chuyên gia, giáo sư về bồi dưỡng cho GV, học sinh về kiến thức chuyên sâu của bộ môn chuyên, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, xử lý tư liệu và cập nhật hướng nghiên cứu mới nhất của bộ môn.

4. Thực hiện đánh giá xếp loại, sàng lọc đội ngũ giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên theo chuẩn nghề nghiệp

4.1. Ý nghĩa của việc đánh giá, xếp loại, sàng lọc đội ngũ giáo viên cốt cán

Trong các trường THPT chuyên, mức độ ảnh hưởng của hiệu suất làm việc của lực lượng GV cốt cán đến hiệu quả đào tạo của nhà trường là rất lớn. Những GV trong nhà trường được nhìn nhận là GV cốt cán không phải đơn thuần là một chức danh mà phải thể hiện cả một quá trình nỗ lực phấn đấu của cá nhân GV được cả nhà trường công nhận, thông qua năng lực xuất sắc về chuyên môn và nghiệp vụ dạy học, giáo dục; đồng thời họ còn là nguồn trợ giúp tích cực đối với các đồng nghiệp của mình trong việc phát triển nghề nghiệp. Chính vì điều này, việc đánh giá, xếp loại, sàng lọc đội ngũ GV cốt cán trong nhà trường là một hoạt động mang tính thúc đẩy nỗ lực phấn đấu phát triển nghề nghiệp không ngừng trong đội ngũ GV dạy chuyên.

4.2. Nội dung đánh giá, xếp loại giáo viên cốt cán

Chuẩn nghề nghiệp GV trung học bao gồm 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí. Đây là chuẩn định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp của mỗi GV. Từ mỗi tiêu chuẩn chúng tôi phân tích và liên hệ tới năng lực nghề nghiệp của mỗi GV trong các trường THPT chuyên.

Trước hết mỗi GV dạy học ở trường THPT chuyên phải đạt được các tiêu chuẩn nghề nghiệp như mọi GV khác. Tuy nhiên GV trường THPT chuyên cần đạt được các tiêu chuẩn nghề nghiệp ở các mức cao hơn, luôn luôn tự phát triển về năng lực nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (05 tiêu chí)

GV chuyên phải:

- Là tấm gương về lao động sáng tạo.
- Có nghị lực, ý thức vươn lên về mọi mặt.
- Có được lòng tin, sự tôn trọng của xã hội và học sinh.
- Có lẽ sống của nhà giáo: công hiến cho nghĩa lớn.

Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục(02 tiêu chí)

Đây là tiêu chuẩn nghề nghiệp đòi hỏi GV chuyên phải tìm hiểu và phát hiện các HS có năng khiếu, cụ thể là:

- Có kỹ năng và phương pháp phát hiện sớm các năng khiếu của HS.
- Có kỹ năng và phương pháp nhận biết các biểu hiện về năng khiếu, tài năng dựa theo các tiêu chí (IQ, EQ,...) bao gồm các quan niệm mới, rộng hơn.
- Có kinh nghiệm nhận biết tâm lý, những mong muốn, điều mong đợi của HS (hiểu biết đầy đủ về học sinh bao gồm cả các điều kiện sống, sinh hoạt, học tập tại trường, trong gia đình và ngoài cộng đồng).

- Có kinh nghiệm nhận biết năng lực, kỹ năng đặc biệt của HS được thể hiện.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực dạy học (8 tiêu chí)

GV chuyên cần có các kỹ năng sau:

- Phương pháp làm việc khoa học, có kế hoạch, có phương pháp, kinh nghiệm rèn luyện cho HS thông qua dạy học bộ môn.
- Kích thích HS say mê học tập, khám phá.
- Hình thành cho HS niềm vui trong các hoạt động học tập sáng tạo.
- Hướng tới sự phát triển về các năng lực tư duy, kỹ năng học tập; tự học.
- Rèn tư duy độc lập, phê phán, sáng tạo, linh hoạt cho HS.
- Khuyến khích sự phát triển tối đa các năng lực đặc biệt của từng cá nhân HS.
- Hỗ trợ HS tự đánh giá (Tư duy phê phán).

Tiêu chuẩn 4: Năng lực giáo dục (6 tiêu chí).

GV chuyên là tấm gương tự học, sáng tạo và cần có các kỹ năng sau:

- Có kinh nghiệm rèn cho HS lòng say mê, yêu thích sáng tạo và lòng tự hào chính đáng.
- Rèn cho HS ý thức tự giác, tính độc lập và sáng tạo.
- Rèn cho học sinh thói quen chia sẻ, hợp tác cùng học tập.

– Rèn cho HS ý thức phấn đấu, rèn luyện phát triển toàn diện (kỹ năng sống và hướng tới sự phát triển bền vững).

– Rèn HS góp phần phát triển cộng đồng (quốc gia, quốc tế) càng giỏi càng có ích cho cộng đồng (không chỉ là người nổi tiếng cá nhân).

– Hình thành dân ở HS ý chí, nghị lực vượt khó, dám chấp nhận thách thức.

Tiêu chuẩn 5: Năng lực hoạt động chính trị, xã hội (02 tiêu chí).

GV chuyên cần có phương pháp và kỹ năng:

– Cộng tác chặt chẽ với gia đình để cùng phát triển tài năng của học sinh.

– Huy động các lực lượng gia đình, nhà trường và xã hội tham gia phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

– Huy động các tổ chức, cá nhân góp phần phát triển cộng đồng, đào tạo nhân tài cho đất nước, đặc biệt là các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đang đầu tư tại Việt Nam.

– Xây dựng hệ thống hỗ trợ thường xuyên các HS, GV trong các trường chuyên.

– Hướng tới chiến lược xây dựng nguồn nhân lực tài năng chuẩn bị cho sự phát triển lâu dài của đất nước và hoà nhập cộng đồng quốc tế.

Tiêu chuẩn 6: Năng lực phát triển nghề nghiệp (2 tiêu chí):

Đây là yêu cầu bắt buộc đối với GV để đáp ứng yêu cầu cao của xã hội và nguyện vọng của HS. GV cần có phương pháp và kỹ năng:

– Phát triển năng lực toàn diện trong bối cảnh mới (hoà nhập quốc tế).

– Kỹ năng thường xuyên tự phát triển năng lực nghề nghiệp.

– Nhận thức được triết lý của GV về cuộc sống (lao động sáng tạo là quan trọng nhất của nghề dạy học).

Đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp:

– Triển khai đầy đủ các văn bản của Bộ GDĐT, các hướng dẫn của Sở GDĐT Đồng Tháp về công tác đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp. Tuy nhiên mức độ cho điểm và nguồn minh chứng yêu cầu mức độ cao hơn như trên mới phù hợp với đối tượng dạy chuyên. .

– Tổ chức tập huấn cho GV về công tác đánh giá.

– Việc đánh giá GV phải căn cứ vào các kết quả đạt được thông qua xem xét các minh chứng, cho điểm từng tiêu chí, tính theo thang điểm 4, là số nguyên; nếu có tiêu chí chưa đạt 1 điểm thì không cho điểm. Với 25 tiêu chí, tổng số điểm tối đa đạt được là 100.

– Việc xếp loại GV phải căn cứ vào tổng số điểm và mức độ đạt được theo từng tiêu chí, thực hiện như sau:

- Đạt chuẩn:

+ Loại xuất sắc: Tất cả các tiêu chí đạt từ 3 điểm trở lên, trong đó phải có ít nhất 15 tiêu chí đạt 4 điểm và có tổng số điểm từ 90 đến 100.

+ Loại khá: Tất cả các tiêu chí đạt từ 2 điểm trở lên, trong đó phải có ít nhất 15 tiêu chí đạt 3 điểm, 4 điểm và có tổng số điểm từ 65 đến 89.

+ Loại trung bình: Tất cả các tiêu chí đều đạt từ 1 điểm trở lên nhưng không xếp được ở các mức cao hơn.

- Chưa đạt chuẩn – loại kém:

Tổng số điểm dưới 25 hoặc từ 25 điểm trở lên nhưng có tiêu chí không được cho điểm.

– Quy trình đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn được tiến hành trình tự theo các bước:

+ Bước 1: GV tự đánh giá, xếp loại (theo mẫu phiếu tại Phụ lục 1).

+ Bước 2: Tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại (theo mẫu phiếu tại Phụ lục 2 và 3).

+ Bước 3: HT đánh giá, xếp loại GV (theo mẫu phiếu tại Phụ lục 4); kết quả được thông báo cho GV, tổ chuyên môn và báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

– Bên cạnh việc đánh giá GV cốt cán theo chuẩn nghề nghiệp hàng năm, công tác kiểm tra giám sát, kiểm tra nội bộ vẫn đảm bảo duy trì tuy nhiên chú trọng hơn vào thực chất, khuyến khích động viên tinh thần ý thức tự giác phấn đấu nâng cao năng lực của từng cá nhân trong nhà trường. Để thực hiện tốt điều này Hiệu trưởng cần chú trọng một số việc sau:

+ Thứ nhất là, xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát, kiểm tra nội bộ đảm bảo tính khoa học và triển khai rộng rãi cho GV trong nhà trường được biết.

+ Thứ hai là, phân công trách nhiệm cho từng bộ phận một cách rõ ràng, đảm bảo đúng người đúng việc.

+ Thứ ba là, xây dựng hệ thống thông tin phản hồi về hiệu quả giảng dạy của từng GV trên tinh thần đảm bảo thường xuyên, kịp thời và chính xác.

+ Thứ tư là, đánh giá GV chú trọng vào hiệu quả đào tạo, tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, được nhiều đồng nghiệp tin nhiệm.

4.3 Công tác sàng lọc đội ngũ

Hàng năm, dựa trên kết quả đánh giá chuẩn năng lực nghề nghiệp, các trường THPT chuyên phải thường xuyên thực hiện công tác sàng lọc đội ngũ.

– Những GV cốt cán mặc dù có nhiều kinh nghiệm nhưng do lớn tuổi, năng lực ngoại ngữ tin học hạn chế gây ảnh hưởng khả năng tiếp cận cái mới, khả năng thích ứng với thời gian làm việc liên tục với cường độ cao của công tác bồi dưỡng học sinh giỏi giảm,...Tuỳ theo đề xuất của tổ chuyên môn và cá nhân GV, nhà trường có thể xem xét cho phép bố trí công việc khác phù hợp hơn. Những GV cốt cán dự bị nhưng trong thời gian thử thách không bộc lộ được những tiến bộ rõ nét trong nghề nghiệp thì cũng mạnh dạn đưa ra khỏi danh sách dự bị.

– Những GV khác trong trường chuyên thì thực hiện theo Điều lệ:

+ Hàng năm, sau một năm học, chuyển khỏi trường chuyên những giáo viên: Trong năm học không đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có 2 năm học liên tiếp xếp loại trung bình theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chuyển khỏi trường chuyên những giáo viên bị xử lý kỷ luật từ hình thức Khiển trách trở lên khi quyết định kỷ luật có hiệu lực.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với giáo viên cốt cán trong các trường THPT chuyên

5.1. Mục tiêu của giải pháp

– Đảm bảo điều kiện về chế độ chính sách, CSVC, tạo động lực để GV cốt cán chủ động, tích cực trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp.

– Đảm bảo về điều kiện cuộc sống, tạo động lực thúc đẩy vừa duy trì ổn định số lượng GV cốt cán hiện hữu, vừa tạo sức hấp dẫn tạo động lực phấn đấu cho lực lượng GV kế cận đảm bảo duy trì ổn định cơ cấu, đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ.

5.2. Nội dung của giải pháp

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ đãi ngộ.
- Thực hiện đồng bộ các chính sách đối với GV cốt cán.
- Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt cho GV cốt cán.
- Cải thiện đời sống vật chất.
- Cải thiện đời sống tinh thần.
- Thực hiện các chính sách hỗ trợ trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tạo điều kiện để GV cốt cán có thêm thu nhập một cách chính đáng.

5.3. Cách thức thực hiện giải pháp

5.3.1. Cải thiện đời sống vật chất:

– Tham mưu, kiến nghị với UBND tỉnh về các chính sách đãi ngộ, thu hút GV giỏi về các trường THPT chuyên trong tỉnh.

– Thực hiện tốt định mức lao động, chế độ làm việc cho đội ngũ GV cốt cán..

– Cần quan tâm đến vấn đề lương, phụ cấp ngành nghề, nâng lương, nâng lương trước hạn, thanh toán số tiết giảng phụ trội cho GV cốt cán.

– Thực hiện tốt công tác tự chủ tài chính, tự chủ nhân sự.

– Sử dụng hiệu quả kinh phí hoạt động nhưng vẫn chú trọng tiết kiệm chi cho hoạt động để tạo nguồn dôi dư chi cho con người.

– Có chế độ giảm định mức giờ dạy cho GV cốt cán hoặc nằm trong quy hoạch GV cốt cán đi học nâng cao trình độ. Khuyến khích GV dạy giỏi và có khả năng dạy ở nhiều lớp, nhiều khối. Từng bước xây dựng chế độ trả lương theo giờ dạy và chất lượng dạy học.

– Đảm bảo mọi quyền lợi chính đáng và hợp pháp của cán bộ, GV nói chung và chú trọng hơn đến GV cốt cán.

– Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng (không đánh đồng, cào bằng).

– Tranh thủ sự hỗ trợ của các nguồn lực từ bên ngoài (chính quyền địa phương; phụ huynh HS; các mạnh thường quân...).

– Có chính sách hỗ trợ kịp thời, đúng lúc, đúng đối tượng để GV cốt cán có hoàn cảnh đặc biệt; lập quỹ để tương trợ, giúp đỡ xây sửa nhà cho GV cốt cán hoặc nằm trong quy hoạch GV cốt cán có hoàn cảnh khó khăn...

– Tạo điều kiện để GV cốt cán có thêm thu nhập một cách chính đáng.

5.3.2. Cải thiện đời sống tinh thần

– Tạo động lực làm việc để thôi thúc cán bộ, GV cốt cán hành động theo cách thức phù hợp với mục tiêu của trường chuyên. Chú ý đến những yếu tố tạo động lực đó là bản thân công việc, sự thành đạt, sự công nhận, trách nhiệm, cơ hội phát triển và những yếu tố duy trì đó là điều kiện làm việc, những quy định QUẢN LÝ của tổ chức, sự giám sát những mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, công việc ổn định.

– Sử dụng mục tiêu để nâng cao nhận thức, tăng cường tạo động lực cho đội ngũ GV cốt cán trong hoạt động dạy học. Cần làm cho GV và mọi thành viên trong nhà trường hiểu đầy đủ chức năng nhiệm vụ và sứ mạng của trường chuyên. Xem đó vừa là trách nhiệm vô cùng gian khó nhưng cũng không kém phần vẻ vang của từng GV trong nhà trường. Chính vì vậy người HT phải làm thế nào để các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của nhà trường phải khoa học và phù hợp với điều kiện của nhà trường và người dân Đồng Tháp tại từng thời điểm để từng GV thấy rõ được ý nghĩa và phấn đấu thực hiện mục tiêu chung. Muốn vậy người HT phải tìm kiếm những hình thức sinh động, hấp dẫn để làm cho người GV cốt cán quán triệt các mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng GD: chẳng hạn như hội thảo, tổ chức nghiên cứu khoa học với những đề tài phương pháp dạy học bộ môn, tổ chức thao giảng, tổ chức trao đổi kinh nghiệm với trường bạn, phối hợp với công đoàn nhà trường tổ chức các hội thi ứng xử tình huống sư phạm...

– Đề cao tinh thần trách nhiệm của người GV cốt cán đối với hoạt động dạy chuyên. Tinh thần trách nhiệm cũng là một động lực làm việc. Sau khi làm cho hoạt động dạy học trở thành một công việc đầy hứng thú, hấp dẫn GV cốt cán thì cần động viên tinh thần trách nhiệm của mỗi GV cốt cán trước các HS, trước xã hội để họ thực sự là chủ thể chủ động, sáng tạo

trong dạy học, từ đó khơi dậy niềm ham mê học tập của HS, phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS. Vì vậy, để tạo ra một phong trào thi đua dạy tốt – học tốt thì người HT cần phải đề cao tinh thần trách nhiệm của GV cốt cán, giao nhiệm vụ cho họ một cách cụ thể và đồng thời đánh giá sản phẩm phải đảm bảo công bằng, chính xác, rõ ràng và minh bạch.

– Tạo điều kiện cho hoạt động dạy học trở nên hứng thú, sáng tạo hơn. Cần phải làm cho người GV cốt cán thấy được sự tôn trọng thông qua sự tin tưởng, kì vọng trong giao việc, thường xuyên lắng nghe chia sẻ đồng thời cũng nghiêm túc ghi nhận những đóng góp đề xuất họ thấy được vị trí vai trò quan trọng trong tổ chức, qua đó thúc đẩy tinh thần tự giác phấn đấu và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

– Sử dụng đòn bẩy khen thưởng khi GV, nhân viên đạt thành tích hoặc kết quả tốt là yếu tố tạo động lực hữu hiệu. Khen và phê bình đúng sẽ tạo động lực thúc đẩy mọi người cố gắng vươn lên, tạo sự công bằng trong tập thể. Tham mưu Sở Giáo dục Đồng Tháp đề xuất với UBND tỉnh tiếp tục có thêm những ưu đãi về chế độ phụ cấp cho GV trực tiếp dạy chuyên, bồi dưỡng học sinh giỏi, đặc biệt là xây dựng cơ chế khoán tiền thưởng theo kết quả phân đấu đỉnh cao tầm quốc gia, quốc tế.

– Cần đánh giá đúng kết quả thực hiện hoạt động dạy học ở mỗi GV một cách công khai, thẳng thắn, công bằng, không hạ thấp mà cũng không khen thái quá; cần làm cho tập thể thấy rằng người GV ấy đã có nhiều nỗ lực để đạt được kết quả đánh giá phải dựa vào tiêu chí thống nhất và dựa vào mức độ hoàn thành công việc đã giao cho người đó chứ không nên so sánh khối lượng công việc của từng người với nhau.

– Cần cá nhân hóa sự khen thưởng vì mỗi cá nhân có những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Đối với người này thì đó chỉ là sự cố gắng vừa phải, đối với người kia thì là đó là sự cố gắng vượt bậc. Mặt khác, mỗi cá nhân có nhu cầu khác nhau, do vậy hình thức khen thưởng nên phù hợp với nhu cầu của mỗi người. Đối với người này thì cần nêu cao sự khen thưởng tinh thần, đối với người kia lại là sự ủy nhiệm thêm quyền hạn, nói lên sự khen thưởng của lãnh đạo. Không coi nhẹ việc khen thưởng bằng vật chất.

– Tạo sự tiến bộ ở mỗi GV trong hoạt động dạy học. Trước hết là nâng cao nhận thức của mỗi GV để tìm thấy lợi ích riêng và lợi ích chung trong hoạt động dạy học. Nếu người GV thấy rằng khi thực hiện hoạt động dạy học thì chuyên môn của chính mình được nâng cao hơn, kỹ năng sư phạm của mình trở nên vững vàng hơn... từ đó GV tích cực hơn. GV cũng muốn mình ngày càng tiến bộ hơn ngay trong chính công việc mình đang làm để đạt hiệu quả cao hơn.

– Xây dựng bầu không khí sư phạm sôi nổi, thân ái, ra sức nâng cao chất lượng GDĐT.

– Xây dựng tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, xây dựng tinh thần tương thân tương ái. Công khai tiêu chuẩn GV kết hợp tuyên truyền giải thích thêm về mặt yêu cầu cao hơn do đặc thù trường chuyên và xây dựng phong trào rèn luyện trong đội ngũ GV để cùng phấn đấu.

– Đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần cho đội ngũ GV là một yếu tố không thể thiếu được trong việc thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ GV. Các nhà QUẢN LÝ cần quan tâm đầy đủ cả hai yếu tố thì việc nâng cao chất lượng đội ngũ GV mới đạt hiệu quả cao.

– Xây dựng một nền văn hóa quản lý trong nhà trường. Văn hóa quản lý là toàn bộ giá trị tinh thần và vật chất có được trong quá trình xây dựng và phát triển tổ chức, đã trở thành một chuẩn mực ứng xử, tập hợp và thúc đẩy các cá nhân, các bộ phận tạo ra sức mạnh hướng vào hoạt động để đạt được mục tiêu chung.

– Xây dựng cho mọi người nền nếp làm việc kỷ cương, theo đúng quy chế. Làm cho mọi thành viên trong nhà trường sống thân thiện với nhau, tin cậy nhau, thương yêu, bao dung lẫn nhau.

Quản lý thực chất là quản lý con người, con người quyết định tất cả. Người Hiệu trưởng phải đầu tư thời gian vào việc tìm hiểu từng thành viên trong nhà trường và phải xây dựng mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau với mọi người. Có như vậy mới dễ giải quyết các bất đồng và tạo được sự đồng tâm nhất trí thực sự để tiến hành thuận lợi các công việc. Sống và làm việc trong một tập thể đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau thì ai cũng sẽ nỗ lực làm việc và mong muốn có những đóng góp vào công việc chung. Trong tập thể dần hình thành những truyền thống tốt đẹp và những truyền thống này sẽ được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác, lớp người này sang lớp người khác, nó thấm nhuần một cách tự nhiên vào mỗi thành viên của nhà trường, tạo thêm động lực làm việc cho mọi người.

Trên đây là Báo cáo tham luận những giải pháp nhằm phát triển đội ngũ giáo viên ở trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu giai đoạn từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045./.

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG HỌC SINH GIỎI QUA CÁC NĂM

Năm học	HSG cấp tỉnh	Cấp khu vực	Quốc gia	Quốc tế
2011 - 2012	121	12	2	
2012 - 2013	97	29	6	
2013 - 2014	211	43	6	
2014 - 2015	181	26	9	
2015 - 2016	212	51	9	
2016 - 2017	219	53	7	
2017 - 2018	103	125	11	
2018 - 2019	117	118	12	1
2019 - 2020	120	118	10	
2020 - 2021	141	66	3	
2021 - 2022	116	25	5	
Tổng	1638	666	80	1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI TỪ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC SANG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lê Thành Trung, Phó Hiệu trưởng THPT Hồng Ngự 1

ĐT: 0776586196- trunglethanh82@gmail.com

I. Đặt vấn đề

Năm học 2022-2023 là năm thứ 3 thực hiện lộ trình đổi mới Chương trình GDPT 2018 (lớp 3, lớp 7 và lớp 10). Vì vậy, quá trình đổi mới đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ. Đổi mới không chỉ về chương trình, sách giáo khoa (SGK) mà còn về phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho người học. Đặc biệt, Chương trình GDPT mới được xây dựng theo hướng mở, trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường, hiệu trưởng, giáo viên quyền tự chủ, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, lựa chọn môn học, xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức các hoạt động giáo dục,... Do đó, chúng tôi cho rằng để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục phải cần thiết thay đổi từ quản lý trường học (quản lý theo kiểu cũ) sang quản trị trường học. Đó vừa là yêu cầu cấp bách vừa là “chìa khóa” để thực hiện thành công Chương trình GDPT 2018.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung làm rõ khái niệm quản lý, quản trị để tìm ra điểm khác nhau. Những nội dung cơ bản của hoạt động quản trị trường học và sự cần thiết phải thay đổi từ quản lý sang quản trị. Đồng thời, khái quát thực trạng công tác quản trị tại Trường THPT Hồng Ngự 1. Từ đó, đề xuất một số giải pháp.

I. Nội dung

1. Khái niệm

1.1. Quản lý và quản trị

Theo từ điển tiếng Việt thì quản lý (QL) là *trông coi và giữ gìn; Là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định*. Theo H. Koontz và cộng sự thì QL là hoạt động đảm bảo phối hợp những nỗ lực cá nhân nhằm đạt được mục đích của tổ chức trong một môi trường và đối với những điều kiện nguồn lực cụ thể. Theo cách hiểu chung thì QL là quá trình tác động có ý thức của chủ thể QL đến khách thể QL nhằm đạt được mục tiêu chung.

Theo từ điển tiếng Việt thì quản trị (QT) là *quản lý và điều hành công việc; Phụ trách việc trông nom, sắp xếp công việc nội bộ của một tổ chức*. Theo Công ty Springo, QT là quá trình hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát công việc và những nỗ lực của con người, đồng thời vận dụng một cách có hiệu quả mọi tài nguyên, để hoàn thành các mục tiêu đã định.

Như vậy, theo định nghĩa của từ điển Tiếng Việt và các quan niệm trên có thể nhận thấy nội hàm của thuật ngữ quản trị rộng, khái quát hơn so với quản lý. Quản trị bao hàm cả hoạt động quản lý hay quản lý chỉ là một công đoạn của hoạt động quản trị.

1.2. Quản lý và quản trị trường học

Tiền sĩ Đặng Xuân Hải quan niệm: “*QL nhà trường (QL trường học) là một quá trình tác động có ý thức (Tác động thông qua các chức năng quản lý, theo các nguyên tắc định hướng vào mục tiêu GD, bằng các phương pháp QL hợp với các đối tượng QL ...)* của bộ máy QL nhà trường (tập hợp các CBQL của nhà trường) lên Khách thể QL (Mọi người tham gia quá trình GD&ĐT của nhà trường, quá trình GD&ĐT của nhà trường, các nguồn lực, điều kiện cho hoạt động GD&ĐT của nhà trường) Nhằm thực hiện được mục tiêu GD&ĐT của nhà trường một cách có hiệu quả nhất”.

Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT định nghĩa: “*Quản trị nhà trường là quá trình xây dựng các định hướng, quy định, kế hoạch hoạt động của nhà trường; tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục thông qua huy động, sử dụng các nguồn lực, giám sát, đánh giá trên cơ sở tự chủ, có trách nhiệm giải trình để phát triển nhà trường theo sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của mỗi nhà trường*”. Như vậy, quản trị trường học có thể được hiểu là quá trình xây dựng và tập hợp các quy tắc, hệ thống nhằm quản lý và kiểm soát toàn bộ hoạt động của một trường học.

Từ đó, chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa hai thuật ngữ. Quản lý trường học đơn giản chỉ là sự tác động có ý thức để đạt mục tiêu mong muốn. Trong khi quản trị trường học nhấn mạnh đến năng lực hoạch định, khả năng xây dựng kế hoạch, khả năng tổ chức, huy động các nguồn lực; giám sát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch. Tất cả những hoạt động đó, nhà trường được quyền *tự chủ, tự chịu trách nhiệm*. Bàn về sự khác biệt giữa quản lý và quản trị trường học, có nhận định cho rằng: Quản trị nhấn mạnh tới sự phân bổ quyền lực cho cơ sở và trong cơ sở; cách thức đo lường đánh giá hiệu quả công việc; và thực hiện nhiệm vụ của một đơn vị cũng như tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở và đội ngũ trong cơ sở đó. Quản trị tập trung chủ yếu vào kết quả và thành tích hoạt động của một nhà trường nào đó.

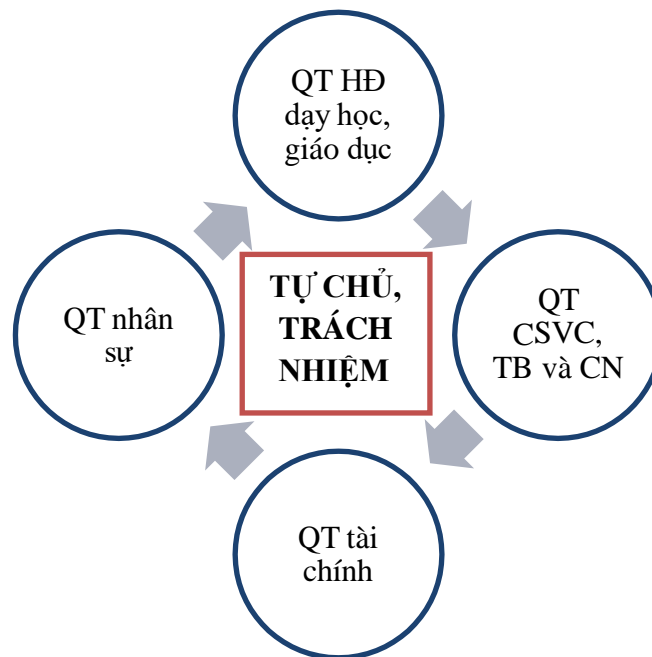
Trước đây khi bàn về giáo dục, thuật ngữ quản lý được dùng phổ biến. Tuy nhiên, gần đây quản trị trường học dần thay thế cho quản lý trường học. Điều này cũng dễ hiểu bởi nền giáo dục đang đổi mới, hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS; giao quyền tự chủ, cho phép các cơ sở giáo dục vận dụng sáng tạo thay vì thiên về truyền thụ kiến thức, kỹ năng một cách máy móc và triệt tiêu sự sáng tạo của nhà trường. Một khi mục tiêu (yêu cầu) thay đổi thì cách thức vận hành cũng phải thay đổi. Theo PGS.TS Trần Xuân Bách, Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm, ĐH Đà Nẵng đánh giá: “*Điều này thể hiện tính chất của sự đổi mới nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức, điều hành các hoạt động giáo dục trong mỗi nhà trường theo tinh thần tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội, trách nhiệm giải trình*”. GS.TS Thái Văn Thành, Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nghệ An cho rằng: “*vai trò của công tác quản trị là đặc biệt quan trọng đối với “vận mệnh” nhà trường.*”

Thậm chí, sự thành công hay thất bại của một trường phụ thuộc vào việc trường đó được quản trị thế nào? Quản trị là “đòn bẩy” cho sự cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường”.

Vì những lẽ đó, chúng tôi cho rằng: để đáp ứng yêu cầu đổi mới, để thực hiện thành công Chương trình GDPT 2018, các cơ sở giáo dục cần thiết phải thay đổi từ quản lý trường học sang quản trị trường học. Vấn đề không chỉ là thay đổi thuật ngữ mà thay đổi bản chất quá trình tổ chức thực hiện một cách chủ động, sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

2. Những nội dung cơ bản của hoạt động quản trị trường học

Hoạt động quản trị trường học gồm những nội dung cơ bản như sau: 1) Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục; 2) Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục HS; 3) Quản trị tài chính theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình; 4) Quản trị nhân sự. Có thể khái quát thành sơ đồ như sau:



Hình 2.1 Sơ đồ nội dung cơ bản hoạt động quản trị trường học

3. Thực trạng công tác quản trị trường học tại đơn vị

Trước khi thực hiện Chương trình GDPT 2018, căn cứ Công văn 1140/SGDĐT-GDTrH-TX&CN, ngày 27/8/2019 của Sở GDĐT Đồng Tháp về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2019-2020, nhà trường đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong việc sắp xếp lại chương trình, xây dựng chủ đề/chuyên đề dạy học như: xây dựng lại phân phối chương trình; rà soát lại nội dung dạy học trong sách giáo khoa, bổ sung, cập nhật những thông tin mới; dịch chuyển, sắp xếp lại trình tự các chương/bài trong một học kì hoặc cả năm học cho phù hợp; các môn học của từng khối lớp, giữa những chương/bài học có nội dung trùng lặp hoặc liên quan với nhau thì xây dựng thành các chủ

đề/chuyên đề dạy học. Đồng thời, thiết kế tiến trình dạy học của từng bài học riêng lẻ hoặc chủ đề/chuyên đề theo hướng tổ chức các hoạt động. Về kiểm tra, đánh giá đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá sao cho đạt hiệu quả, có ý nghĩa giáo dục cao nhất và phát huy được năng lực của HS. Vận dụng, linh hoạt các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học (PPDH). Đổi mới PPDH được thực hiện trên cơ sở phân hóa đối tượng, loại hình năng lực và phẩm chất cần phát triển ở HS. Thực hiện tinh thần đổi mới, nhà trường tiếp tục chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học, trong đó tập trung thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục; thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực; xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD), kế hoạch bài dạy (KHBD) và chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Thực hiện Công văn số 562/SGDDĐT-GDTrH&TX ngày 17/5/2022 của Sở GDĐT Đồng Tháp về việc báo cáo chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018 năm học 2022-2023, căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm 2022-2023 được Sở GDĐT phê duyệt, căn cứ tình hình đội ngũ và điều kiện CSVC và kết quả khảo sát nhu cầu lựa chọn môn học của HS, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các tổ hợp môn và cụm chuyên đề học tập cho HS lựa chọn (hệ phổ thông có 7 phương án lựa chọn, hệ GDTX chọn nhóm môn học: Vật lý, Địa lý, Công nghệ trồng trọt và Tin học).

Căn cứ Công văn số 900/SGDDĐT-GDTrH&TX, ngày 29/6/2022 của Sở GDĐT Đồng Tháp về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022- 2023, Công văn số 1239/HD-SGDĐT, ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Sở GDĐT Đồng Tháp hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023, hiệu trưởng tổ chức KHGD lớp 10 theo Công văn 5512, phó hiệu trưởng xây dựng KHGD lớp 11, 12. Sau đó, thông qua các phiên họp lãnh đạo, Hội đồng trường (HĐT) để lấy ý kiến góp ý bổ sung, hoàn thiện KHGD, ký ban hành và tổ chức triển khai thực hiện. Căn cứ KHGD, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng KGGD (phụ lục số 1). Các tổ hướng dẫn GV xây dựng

KHGD (phụ lục số 2), KHBD (phụ lục số 3). Bên cạnh, việc quản trị hoạt động dạy học, giáo dục, nhà trường đã thực hiện quản trị các nội dung cơ bản khác. Trong quá trình quản trị trường học, chúng tôi nhận thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: các thành viên trong HĐT vẫn chưa mạnh dạn đóng góp ý tưởng cho KHGD (mục tiêu, các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện,...); hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (người quản trị) đôi khi còn “ôm đồm” quá nhiều thứ mà chưa dám giao việc hoặc khi giao việc thì chỉ giao cho một nhóm người, đôi khi thiếu kiểm tra, giám sát; có những thời điểm người quản trị chưa thu phục được lòng người, chưa huy động và điều phối tốt các nguồn lực, nhất là nguồn lực về con người (chưa nắm rõ năng lực, sở trường, tính cách từng người để giao việc) một cách hợp lý để thực hiện KHGD; chưa tạo được động lực tích cực để mọi thành viên cùng hăng say làm việc; khả năng lôi cuốn, truyền cảm hứng, thuyết phục còn hạn chế; động viên, khích lệ chưa kịp thời. Từ thực tế quản trị trường học tại đơn vị, chúng tôi đề xuất một vài giải pháp như sau:

Thứ nhất, người quản trị trường học cần chủ động, tự ý thức để thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên nhằm cập nhật, bổ sung những kiến thức, kỹ năng, thái độ còn thiếu về công tác quản trị trường học. Họ cần phải ý thức, hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình để thực hiện chức năng quản trị trường học. Chúng tôi xin trích lời của PGS.TS Đặng Quốc Bảo, nguyên Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục: “*Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, hiệu trưởng phải làm tròn 3 vai là người lãnh đạo, người quản lý, người quản trị*”.

Thứ hai, muốn quản trị thành công phải chấp hành nghiêm, phải thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở GDĐT Đồng Tháp về việc thực hiện Chương trình GDPT 2018. Trong quá trình thực hiện đòi hỏi khả năng chủ động, sáng tạo trong 3 khâu quan trọng: xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, triển khai và kiểm tra, đánh giá điều chỉnh kế hoạch.

Thứ ba, người quản trị phải “*biết người, biết ta*” nghĩa là phải hiểu rõ tâm tính, cốt cách, điểm mạnh, điểm yếu của các thành viên để mạnh dạn giao việc. Phải có kỹ năng thuyết phục, huy động, điều phối các nguồn lực kết hợp với tạo động lực, khích lệ, động viên, khen thưởng để mọi người cùng nhau thực hiện KHGD. Mọi người phải cùng nhau chung sức để hoàn thành KHGD của nhà trường, cùng nhau tự chủ, cộng đồng trách nhiệm.

II. Kết luận

Quá trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng ngành giáo dục đang nhận được sự đồng thuận, niềm tin lớn từ xã hội và bước đầu đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Hai năm tiếp theo, việc đổi mới sẽ mạnh mẽ và đồng bộ hơn nữa. Trong bối cảnh đổi mới và cũng để thích ứng với thời đại công nghệ 4.0, quản trị trường học được xem là một hoạt động quan trọng, là chìa khóa quyết định kết quả, thành tích hoạt động của trường học. Thực hiện tốt công tác quản trị trường học sẽ giúp cho các cơ sở giáo dục làm tốt vai trò hoạch định chiến lược, định hướng tầm nhìn phát triển của nhà trường, xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, điều hành, huy động và điều phối tốt các nguồn lực để thực hiện KHGD tốt hơn. Đồng thời tiến tới thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Hà Nội,
2. *Đổi mới quản trị nhà trường: Những yêu cầu trong bối cảnh mới*. Truy cập 10/11/2022 từ <https://giaoducthoidai.vn/doi-moi-quan-tri-nha-truong-nhung-yeu-cau-trong-boi-canhh-moi-post525297.html>
3. Đặng Xuân Hai, “*Nhận diện khái niệm Quản lí và lãnh đạo trong quá trình điều khiển một nhà trường*”, *Tạp chí Phát triển giáo dục*, số 4, 2002.
4. Hồng Hạnh, *Quản trị trường học phổ thông trong đổi mới giáo dục: Thách thức năng lực của hiệu trưởng*. Truy cập ngày 10/11/2022 từ <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/quan-tri-truong-pho-thong-trong-doi-moi-giao-duc-thach-thuc-nang-luc-cua-hieu-truong-20191126190839328.htm>
5. Nguyễn Thị Hương, “*Quản trị trường học: cơ sở lý luận, thực trạng đào tạo ở Việt Nam và thế giới*”, *Tạp chí Giáo dục*, số 424 tr 9-12, 2018.
6. Thu Hương, *Quản trị trường học phát huy vai trò của hiệu trưởng*. Truy cập ngày 09/11/2022 từ <http://daidoanket.vn/quan-tri-truong-hoc-phat-huy-vai-tro-cua-hieu-truong-453486.html>
7. Nguyễn Văn Vẹn, *Đổi mới quản trị giáo dục- đào tạo bậc đại học ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Truy cập ngày 09/11/2022 từ https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi-/2018/824098/doi-moi-quan-tri-giao-duc---dao-tao-bac-dai-hoc-o-viet-nam-trong-boi-canhh-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu.aspx

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN TẠI TRƯỜNG THPT LẤP VÒ 1

Trường trung học phổ thông Lấp Vò 1

Nâng cao chất lượng giáo dục luôn là mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra đối với mỗi đơn vị trường nói riêng và toàn ngành giáo dục nói chung. Làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục toàn diện không phải là câu hỏi mới, nhưng để có câu trả lời thì đây luôn là vấn đề mới đối với mỗi cán bộ quản lý và giáo viên giảng dạy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong những năm qua trường THPT Lấp Vò 1 đã làm tốt công tác quản lý chỉ đạo chuyên môn dạy và học đồng bộ xuyên suốt từ lãnh đạo trường đến các tổ chuyên môn, giáo viên và học sinh. Với các giải pháp được đưa ra, chất lượng GD của nhà trường ngày càng chuyển biến tích cực. Để chất lượng GD của nhà trường ngày càng được nâng lên, trường THPT Lấp Vò 1 đã tập trung chỉ đạo, thực hiện nhiều giải pháp trong đó tập trung vào các giải pháp sau:

1. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, tình yêu nghề cho CBQL, GV trong nhà trường

Quản trịệt trong CBQL, GV nhà trường thường xuyên nghiên cứu Luật giáo dục và Điều lệ trường phổ thông, quy chế chuyên môn của ngành, các nội quy, quy định của ngành. Học tập các chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển GD trong từng giai đoạn. Nắm vững các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển KTXH của trung ương và tỉnh có liên quan đến lĩnh vực GD và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển GD của trung ương và tỉnh. Học tập các văn bản quy phạm pháp luật về GD nhằm nâng cao nhận thức về mọi mặt cho giáo viên, từ đó làm cho mỗi giáo viên trách nhiệm hơn trong công tác. Mỗi GV có trách nhiệm, lòng nhiệt huyết với nghề, “tất cả vì học sinh thân yêu”, gắn bó với nghề, thực hiện tốt khẩu hiệu “Dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”. Có yêu nghề thì người GV mới dốc hết tâm huyết, năng lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp GD. Xây dựng nhận thức, tạo sự đồng thuận trong giáo viên và học sinh. Tập thể giáo viên có nhận thức được trách nhiệm đối với chất lượng giáo dục của nhà trường, thì mới toàn tâm toàn ý đầu tư cho công tác giảng dạy. Học sinh có nhận thức được học để có kiến thức, nghề nghiệp, cuộc sống tốt hơn cho bản thân, gia đình và xã hội mới ra sức cố gắng học tập tốt nhất. Để tạo được nhận thức tốt trong giáo viên và học sinh, nhà trường thông qua sinh hoạt trong Hội đồng sư phạm, qua thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua, sinh hoạt các đoàn thể, Công đoàn, Đoàn thanh niên, sinh hoạt chủ nhiệm, họp mặt truyền thông,... để xây dựng ý thức trách nhiệm, tinh thần làm việc tận tụy.

2. Xây dựng nền nếp trong nhà trường

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, trường muốn đạt được chất lượng cao phải có nền nếp, trật tự tốt. Vì vậy, lãnh đạo trường phải luôn chú ý đến việc xây dựng nền nếp, trật tự, kỷ cương trong nhà trường không chỉ đối với học sinh mà cả giáo viên. Đối với giáo viên, phải nghiêm túc thực hiện kỷ luật lao động, đảm bảo ngày giờ công. Đối với học sinh, với phương châm lấy ngăn ngừa và giáo dục là chính. Đầu mỗi năm học, tổ chức cho HS học nội quy của nhà trường, cho HS kí cam kết thực hiện nội quy của trường, lớp. Nâng cao trách nhiệm và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, kịp thời nhắc nhở, uốn nắn học sinh. Nghiêm khắc xử lý các học sinh vi

phạm, giúp học sinh sửa chữa, đồng thời còn có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục các học sinh khác.

3. Đổi mới phương pháp quản lí

Đổi mới quản lí việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lí và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lí giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, và các thông tin khác trong quản lí và báo cáo.

4. Nâng cao năng lực của CBQL và GV

CBQL, GV đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, tổ chức dạy học bằng các phương pháp hiện đại, nâng cao năng lực nghiên cứu và vận dụng khoa học giáo dục, khoa học quản lí giáo dục, năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số và dạy học; đa dạng hóa nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng, quan tâm việc tự bồi dưỡng của cá nhân nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục. CBQL và GV thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn HT, PHT, chuẩn nghề nghiệp GV. Từ đó nhận ra những hạn chế thiếu sót của bản thân để tìm ra biện pháp trao đổi kiến thức nâng cao năng lực. Rà soát đánh giá năng lực GV hàng năm, xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên đề...

5. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chuyên môn

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của đơn vị, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Chú trọng hoạt động của tổ bộ môn, tổ chức bồi dưỡng năng lực quản lí chuyên môn cho tổ trưởng, đổi mới cách sinh hoạt theo hướng tập trung giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, tăng cường vai trò của GVCN lớp trong việc quản lí, phối hợp GD toàn diện cho học sinh. Vận dụng các phương pháp thực hành trong các môn học bảo đảm cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho học sinh; tăng cường liên hệ thực tế, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học. Khai thác và sử dụng TBDH có hiệu quả, các phương tiện thiết bị dạy học phải mang lại hiệu cao cho các giờ học như: nêu vấn đề; tìm kiếm thông tin; mở rộng kiến thức; củng cố ôn tập và hệ thống hóa kiến thức; kích thích trí tò mò lòng ham hiểu biết; kích thích hứng thú học tập. Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, kiểm tra giám sát việc giảng dạy của giáo viên trong tổ mình về chương trình, nội dung kế hoạch giảng dạy theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn điều chỉnh kế hoạch tổ chuyên môn tăng cường xây dựng bài học STEM (gắn liền với chương trình phổ thông đang thực hiện). Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới kiểm tra đánh

giá; đề kiểm tra phải đảm bảo các yêu cầu đánh giá về đánh giá phẩm chất, năng lực người học, xây dựng nguồn học liệu mở, câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo có chất lượng trên Website của trường, Chủ động Xây dựng các kế hoạch phụ đạo học sinh, bồi dưỡng học sinh giỏi...

6. Tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ

Tăng cường và nâng cao vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong nhà trường, đây là lực lượng quan trọng, nhân tố tích cực trong việc phát huy tốt vai trò xung kích, gương mẫu của đoàn viên trong học tập và rèn luyện. Giáo viên chủ nhiệm lớp cần kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong quá trình giáo dục học sinh; kịp thời liên hệ, báo cáo việc thực hiện nề nếp, kết quả học tập của các em, đề nghị gia đình phối hợp trong việc uốn nắn các em chưa ngoan

7. Tổ chức các phong trào thi đua

Trong học sinh, tổ chức nhiều đợt thi đua giữa các lớp với những nội dung trọng tâm, có sơ kết, đánh giá mỗi tuần trong tiết sinh hoạt dưới cờ, khen thưởng các lớp thực hiện tốt ở mỗi đợt và cuối năm, nhờ đó các lớp đều cố gắng phấn đấu thực hiện tốt nề nếp và học tập. Tổ chức các câu lạc bộ môn học như “câu lạc bộ toán học, vật lí, hóa học, văn học, Tiếng Anh...”. Trong giáo viên, tổ chức cho giáo viên tham gia các phong trào thi đua, phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua với những chỉ tiêu do giáo viên đăng ký trên cơ sở chuẩn thi đua chung của ngành và đặc điểm tình hình bộ môn, lớp dạy. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, TDTT, tham quan, du lịch, hội thi, nhằm tạo không khí vui tươi cho giáo viên và học sinh. Phát huy vai trò của Hội Khuyến học, luôn quan tâm, tìm hiểu kịp thời giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục đến trường.

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, chất lượng giáo dục của trường THPT Lập Vò 1 đã có bước chuyển biến mạnh mẽ. Nhiều năm liền trường đỗ TN THPT đạt 100%; điểm TB các môn thi tốt nghiệp cao hơn mặt bằng chung của tỉnh; chất lượng kỳ thi học sinh giỏi văn hóa của trường năm trong trong tốp đầu của tỉnh; thi học sinh cấp Quốc gia hằng năm đều đạt giải và đạt thứ hạng cao của tỉnh. Đặc biệt trong 2 năm liền: 2021 và 2022 trường vinh dự là trường THPT đầu tiên của tỉnh vào tốp 66 trường THPT trong toàn quốc được ĐH Quốc gia TPHCM ưu tiên xét tuyển thẳng.

Trên đây là một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của đơn vị

ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA ĐƠN VỊ

Trường trung học phổ thông Nguyễn Du

I. NỘI DUNG

1. Đặc điểm tình hình trường

1.1. Thời cơ

- Hiện nay, chúng ta đang chứng kiến tốc độ số hoá diễn ra nhanh chưa từng có. Tốc độ số hoá và những công nghệ mới mở ra triển vọng mới, mô hình và phương thức hoạt động mới, tạo ra giá trị mới. Mỗi quốc gia, tổ chức hay cá nhân đều phải nỗ lực chuyển đổi, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức nếu không muốn bị bỏ lại phía sau. Do vậy, để bắt kịp xu hướng đó, các nhà trường và giáo viên cũng cần nỗ lực không ngừng nhằm đẩy mạnh việc số hóa trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục trong thời gian tới.

- Việc tích hợp hiệu quả CNTT và truyền thông trong trường và lớp học có thể thay đổi về phương pháp sư phạm và nâng cao tính chủ động cho người học. Trong bối cảnh này, điều quan trọng là giáo viên có đủ năng lực để áp dụng CNTT trong thực hành giảng dạy chuyên môn nhằm đảm bảo sự công bằng và chất lượng học tập. Giáo viên cũng cần có khả năng khai thác CNTT và truyền thông để hướng dẫn người học trong việc phát triển các kỹ năng, kiến thức xã hội. Do đó, giáo viên cần tích cực tự học và bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT. Có thể nói, việc nâng cao năng lực CNTT cho giáo viên và đẩy mạnh số hóa trường học là một yêu cầu bắt buộc trong đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cán bộ, giáo viên có nhiều cơ hội học hỏi, tiếp cận, giao lưu chia sẻ qua mạng internet.

- Chủ trương xã hội hóa giáo dục của Nhà nước đang mở ra nhiều cơ hội mới cho nhà trường khai thác và phát huy các nguồn lực vật chất, tài chính, văn hóa, chuyên môn để cùng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Nhu cầu được hưởng thụ nền giáo dục chất lượng của học sinh và cha mẹ học sinh là rất lớn và ngày càng tăng.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo tạo điều kiện của các cấp, ngành, đặc biệt là cha mẹ học sinh, các thể hệ cán bộ, giáo viên, học sinh đã từng công tác, học tập tại trường.

1.2. Thách thức

- Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội, xu thế cạnh tranh xây dựng thương hiệu giữa các trường THPT trong tỉnh.

- Sự tác động của các yếu tố như mạng xã hội, kinh tế, chính trị, thiên tai, đặc biệt là diễn biến của dịch Covid-19 sẽ còn ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục của địa phương và nhà trường.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy của một bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chậm, ngại tiếp cận với công nghệ số.

- Trong điều kiện khó khăn, ngân sách hạn hẹp, đời sống nhân dân còn khó khăn, việc hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là yêu cầu cấp thiết trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Nhiều cha mẹ học sinh chưa thay đổi nhận thức về đổi mới công tác giáo dục, tư tưởng còn trông chờ, ỷ lại chế độ hỗ trợ của Nhà nước, chưa quan tâm đến việc học tập của con em nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Bối cảnh

2.1. Điểm mạnh

** Đội ngũ:*

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 71 người. Trong đó:

+ Ban giám hiệu: 03 người (02 nữ);

+ Giáo viên: 60 người (37 nữ)

+ Nhân viên: 8 người

- Đội ngũ giáo viên của trường tương đối tuổi đời còn trẻ, tích cực áp dụng CNTT trong giảng dạy và làm việc, năng lực đồng đều ở các bộ môn, luôn nỗ lực, nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm, sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tập thể đoàn kết, gắn bó và muốn được cống hiến để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường.

- Hoạt động dạy học của trường được thực hiện có kỷ cương, nề nếp. Các tổ/nhóm chuyên môn có sự đổi mới trong sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, xây dựng chủ đề dạy học. giáo viên từng bước vận dụng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đối tượng học sinh của nhà trường.

** Cơ sở vật chất*

- Có đủ phòng thí nghiệm thực hành, phòng chức năng. Các phòng học có đủ điện chiếu sáng, quạt, bàn ghế. Tuy nhiên còn thiếu phòng học để thực hiện chương trình 2 buổi/ ngày.

- Có Website riêng của trường.

- Được trang bị phòng máy vi tính mới vào năm 2021

** Cán bộ quản lý*

- Cán bộ quản lý đều đạt chuẩn, có 02 người trên chuẩn.

- Đội ngũ cán bộ quản lý có uy tín, có mối quan hệ mật thiết với lãnh đạo và nhân dân địa phương.

- Ban giám hiệu là một tập thể đoàn kết, trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Hầu hết các hoạt động trong quản lý nhà trường đều áp dụng công nghệ thông tin tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

2.2 Điểm yếu

** Đội ngũ*

- Năng lực của một vài giáo viên, nhân viên còn hạn chế. Một vài giáo viên, nhân viên chậm đổi mới, hiệu quả giáo dục chưa cao. Trình độ công nghệ thông tin, ngoại ngữ chưa cao,

- Một số giáo viên chưa tích cực tham gia các diễn đàn, hội/nhóm chuyên môn để giao lưu học hỏi, mở rộng kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá còn những hạn chế nhất định.

** Chất lượng học sinh*

- Chất lượng học sinh đầu vào còn thấp, một bộ phận học sinh còn rụt rè, thụ động, thiếu khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tư duy và tiếp thu kiến thức còn hạn chế, nhất là các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, ngoại ngữ.

- Địa bàn dân cư còn nhiều khó khăn về kinh tế, nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn như cha mẹ ly hôn, cha mẹ đi làm ăn xa,... không quan tâm đến việc học của con.

- Do việc làm sau khi học đại học ra trường có nhiều khó khăn nên một bộ phận không nhỏ học sinh còn thiếu động lực phấn đấu trong học tập.

** Cơ sở vật chất*

- Hệ thống máy vi tính phòng thực hành số 2 đã quá cũ, nhiều máy có tốc độ truy cập chậm, số lượng máy tính chưa đáp ứng được nhu cầu học tập đại trà nhà trường.

- Do không được quy hoạch đồng bộ ngay từ đầu, chưa có các phòng như: phòng học bộ môn, phòng làm việc của giáo viên, phòng họp bộ môn, nhà đa năng, diện tích sân chơi, bãi tập còn hạn chế. Hệ thống phòng học cũng đã xây dựng với thời gian khá lâu nên hệ thống tường, trần hiện có hiện tượng lún, nứt, bong tróc thấm dột khi trời mưa,...

3. Kết quả nổi bật trong năm học 2021-2022

3.1. Chất lượng giáo dục hạnh kiểm

- Loại Tốt:	999	đạt tỉ lệ	97.75%
- Loại Khá:	21	đạt tỉ lệ	2.05%
- Loại TB:	2	đạt tỉ lệ	0.2%
- Loại Yếu :	0	đạt tỉ lệ	0.00%

3.2. Kết quả xếp loại học lực cuối năm

- Loại Giỏi:	359	đạt tỉ lệ	35.13%	tăng 1.7%
- Loại Khá:	599	đạt tỉ lệ	58.61%	
- Loại TB:	61	đạt tỉ lệ	5.97%	
- Loại Yếu:	02	đạt tỉ lệ	0.2%	
- Loại Kém :	01	đạt tỉ lệ	0.1%	

3.3 Thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp 100%.

II. NHÀ TRƯỜNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐƠN VỊ

1) Sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh

tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình; có lộ trình kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

2) Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ SGD, Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

3) Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong nhà trường, kết nối thông suốt với CSDL giáo dục địa phương và CSDL ngành.

Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm, học bạ, thiết kế bài giảng, ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng Vnedu, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục

Triển khai hiệu quả các phần mềm giáo dục đã được trang bị phục vụ quản trị nhà trường, ứng dụng CNTT trong dạy học như: Quản lý thiết bị trường học (tại địa chỉ <http://qltb.dongthap.gov.vn>), quản lý tài chính, phần mềm tổ chức họp trực tuyến, quản lý ngân hàng đề thi InTest, chấm thi trắc nghiệm Mark.Test, phần mềm dạy học Tiếng Anh,...

4. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến, ưu tiên một số dịch vụ:

- Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến
- Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học
- Dùng chữ ký số

5. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

Đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. tạo sân chơi cho học sinh mục đích tập cho các em thói quen thanh toán không dùng tiền mặt.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

2. Tham gia đầy đủ các khóa tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

3. Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

Quản lý hệ thống thông tin và CSDL giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên CDSL ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục

a) Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, thiết bị dạy học môn Tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong trường; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học;

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

c) Tham mưu cấp thẩm quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được;

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, CDS, công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số CDS đối với cơ sở giáo dục.

IV. KIẾN NGHỊ:

Trong thời gian qua, dù đã có những bước tiến khá tốt, tuy nhiên triển khai số hóa trong trường học vẫn gặp một số khó khăn. Nguyên nhân có thể kể đến do việc đầu tư hạ tầng, trang thiết bị CNTT cần nguồn kinh phí khá lớn, trong khi ngân sách chi cho nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị CNTT các trường còn hạn chế.

Cha mẹ học sinh đầu tư thiết bị CNTT cho học sinh còn nhiều khó khăn, nhất là vùng nông thôn.

Bên cạnh đó nhà trường còn phải sử dụng nhiều phần mềm rời rạc, độc lập, chưa liên thông và thiếu đồng bộ, có dữ liệu còn quản lý và cập nhật trên nhiều hệ thống khác nhau. Nguyên nhân là do chưa có một hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm đồng bộ để khai thác sử dụng cho công tác quản trị nhà trường. Năng lực ứng CNTT của một số cán bộ quản lý, giáo viên,

nhân viên còn hạn chế, có tư tưởng ngại đổi mới. Không ít phụ huynh chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực về mạng Internet, mạng xã hội mà không nhìn nhận ra mặt tích cực của nó, dẫn đến giáo dục học sinh một cách tiêu cực.

Để việc số hóa trong trường học bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, trước tiên cần tăng cường tuyên truyền tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục để toàn xã hội nói chung, các bậc phụ huynh nói riêng có hiểu biết đúng đắn về chuyển đổi số. Tiếp theo, các cấp, các ngành cần xây dựng chiến lược cụ thể từng giai đoạn để tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng, trang thiết bị CNTT của nhà trường. Đây là điều kiện không thể thiếu để phát triển ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục. Khi có hạ tầng CNTT đồng bộ thì việc triển khai chuyển đổi số mới thực sự đạt hiệu quả.

Cũng cần xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu ban đầu bảo đảm đồng bộ giúp khai thác dữ liệu liên thông dữ liệu giữa các ban ngành, không riêng ngành Giáo dục. Xây dựng hệ thống chung trong toàn quốc quản lý các nội dung cơ bản về cơ sở vật chất, con người... các hệ thống khác sẽ cập nhật và lấy dữ liệu... Mục tiêu mỗi dữ liệu chỉ phải cập nhật trên 1 hệ thống duy nhất. Cuối cùng, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành. Đẩy mạnh dạy học Tin học trong nhà trường để trước mắt học sinh có thể sử dụng thành thạo một số ứng dụng CNTT phục vụ học tập, công việc hàng ngày. Xa hơn nữa là trang bị cho học sinh kỹ năng cơ bản của công dân thời thời đại 4.0.

CẦN CÓ SỰ ĐẦU TƯ THỎA ĐÁNG HƠN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐÚNG HƠN VỀ VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

Nguyễn Hữu Thời- Giám đốc Trung tâm Giáo dục Thường Xuyên TP Sa Đéc

1/. Về cơ sở vật chất của Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) Thành phố Sa Đéc

a). Thực trạng

Hiện tại, Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc có diện tích chưa đến 1.000 m², với trên 1.300 học viên (HV) đang theo học thuộc các khối lớp 10, 11 và 12. Trong khi thực tế chỉ có 10 phòng học, 01 phòng Hành chính-Tổng hợp, 01 phòng Máy tính và 04 phòng cỡ nhỏ gồm: 02 Phòng làm việc của Ban Giám đốc Trung tâm; 01 Phòng Y tế học đường và 01 Phòng giáo viên.

Như vậy, hiện nay Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc còn thiếu khoảng 20 phòng học; 01 thư viện; 03 thí nghiệm thực hành, các phòng học bộ môn; không có sân chơi bãi tập và các hoạt động khác dành cho HV. Như vậy cơ sở vật chất (CSVC) chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho HV; trang thiết bị chưa đồng bộ, kinh phí hoạt động tại đơn vị rất hạn hẹp, các nguồn xã hội hoá giáo dục còn rất hạn chế...

b). Yêu cầu về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ nay đến năm 2025, đề nghị quý cấp Lãnh đạo nên giành kinh phí để đầu tư CSVC cho Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc, Vì:

- Thực tế đã nhiều năm nay, học viên đang theo học tại Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc đều thuộc lứa tuổi cấp trung học phổ thông (THPT). Do vậy, nhu cầu về học hành, vui chơi giải trí, hoạt động đoàn thể, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ học đường ... cũng giống như các học sinh đang theo học tại các trường THPT. Vì vậy, nên có sự đầu tư về CSVC giống như ở các trường THPT, nhằm xóa tan các dư luận xã hội về sự phân biệt đối xử giữa HV đang theo học hệ GDTX với học sinh đang theo học tại các trường THPT.

- Trong xã hội luôn có những gia đình giàu có và cũng luôn có những gia đình rất khó khăn về kinh tế. Mặt khác, không ai được chọn gia đình để mình sinh ra. Từ thực tế, thì đối tượng vào học tại Trung tâm đa phần là những HV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (đi học 1 buổi, đi làm giúp gia đình 1 buổi) để giúp đỡ gia đình. Đây là đối tượng phải được ngành giáo dục và cả xã hội quan tâm nhiều hơn, đầu tư và có sự quan tâm, giúp đỡ nhiều hơn ... nhằm tạo ra được sự công bằng trong đối xử và trong sự nghiệp giáo dục dưới mái trường xã hội chủ nghĩa.

- Mặt khác, trong năm học 2023-2024 này, Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc bắt đầu triển khai Chương trình GDPT năm 2018 (do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành) cho HV khối 10 và các năm học tiếp theo ở các khối 11 và 12. Trong đó, các yêu cầu về CSVC và các trang thiết bị ... tại các Trung tâm GDTX cũng giống như ở các trường THPT.

2/. Cần nhìn nhận, đánh giá về vị trí và vai trò của các Trung tâm GDTX một cách đầy đủ và khách quan hơn

Vấn đề thứ hai là cần nhận thức rõ: Các cơ sở (Trung tâm) GDTX nói chung là 1 mô hình đặc thù trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. Vì ngoài chức năng tổ chức giảng dạy

các môn văn hóa các cấp phổ thông (như các trường THPT), nó còn là một Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học; Trung tâm liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng ...; hỗ trợ - tư vấn các hoạt động của các Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng (VHHTCĐ) trên địa bàn (khi có yêu cầu). Các hoạt động này đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời cho mọi công dân, là nơi thu hút sự hướng thiện của thanh thiếu niên, góp phần xây dựng xã hội ổn định và phát triển lành mạnh, hạn chế tối đa các tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên ... tạo điều kiện để xã hội ổn định và phát triển bền vững.

Như vậy, chức năng và nhiệm vụ của các Trung tâm GDTX là rất rộng và đa dạng, nó đáp ứng mọi nhu cầu về học tập của người dân, nó là 1 đơn vị dẫn dắt và tiên phong trong việc xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời cho cả cộng đồng dân cư trên địa bàn Thành phố Sa Đéc và các địa phương lân cận.

Do đó, việc đánh giá các Trung tâm GDTX cần phải căn cứ vào hiệu quả của việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ thuộc các nội dung nêu trên.

3/. Cần có sự nhìn nhận và đánh giá hiệu quả của việc tổ chức giảng dạy các môn văn hóa tại các Trung tâm GDTX một cách công bằng và khách quan hơn

- Hàng năm, việc đánh giá giáo viên đang tham gia giảng dạy các môn văn hóa tại Trung tâm phải bảo đảm khách quan, đúng thực chất, đúng theo sự cống hiến và hiệu quả công việc mang lại.

- Thực tế cho thấy tất cả giáo viên dạy các môn văn hóa tại Trung tâm yêu cầu phải có 2 kỹ năng then chốt: **kỹ năng giảng dạy kiến thức bộ môn và kỹ năng của nhà tâm lý giáo dục**. Nếu khiếm khuyết 1 trong 2 kỹ năng này, thì người giáo viên không thể thành công trong công tác giảng dạy của mình. Vì:

+ Đối tượng vào học tại Trung tâm đa phần là những HV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (đi học 1 buổi, đi làm giúp gia đình 1 buổi) để giúp đỡ gia đình, do đó nhiệm vụ học còn lơ là, rất hạn chế, từ đó dẫn đến học lực kém, kiến thức bộ môn bị khiếm khuyết nhiều chỗ, nhiều nơi... Do vậy, giáo viên giảng dạy ở từng bộ môn phải phát hiện kịp thời để bù đắp kiến thức cho các em (mỗi em có sự khiếm khuyết khác nhau), nhằm giúp các em có được chuỗi kiến thức lô – gích và tiếp tục học hành được tốt hơn.

+ Đối tượng vào học tại Trung tâm: đa phần thuộc đối tượng gia đình ít quan tâm, cha mẹ ly hôn, sống với ông bà hoặc người thân, đi học 1 buổi - đi làm kiếm sống 1 buổi ... Do vậy, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm phải có sự tìm hiểu, cảm thông ... nhằm dẫn dắt các em vượt qua những khó khăn thử thách ... động viên các em kịp thời khi các em có tiến bộ (dù nhỏ)...

Do vậy, đề nghị Lãnh đạo Sở GDĐT nên xem xét mức khen thưởng hàng năm cho giáo viên Trung tâm đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên phải được khen thưởng thỏa đáng hơn so với công sức họ đã bỏ ra (thiết nghĩ phải cao hơn GV dạy cùng cấp).

- Việc đánh giá kết quả thi tốt nghiệp (TN) THPT hàng năm của các Trung tâm GDTX cần có sự nhìn nhận và đánh giá thỏa đáng hơn, đúng như công sức họ đã bỏ ra. Từ đầu vào (lớp 10) rất thấp “gạo dưới sàn”, sau 3 năm học tập và rèn luyện tại Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc, các em vẫn hiên ngang thi đỗ TN cấp THPT (Năm 2020, HV Trung tâm thi đỗ TN đạt tỷ lệ 99,04%; năm 2021, HV Trung tâm thi đỗ TN đạt tỷ lệ: 100%; năm 2022, HV Trung tâm thi đỗ TN đạt tỷ lệ 97,36%). Sau đó, nhiều em đã đỗ vào học tại các trường cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh, trong đó có những trường đại học danh tiếng thuộc “TOP” đầu...

Từ những thực tế nêu trên, thiết nghĩ Lãnh đạo Sở GDĐT cần có cái nhìn khách quan và đánh giá công bằng hơn: Nếu như HS các lớp 12 ở các trường THPT chuyên và các trường THPT thi đỗ TN hàng năm đạt tỷ lệ 100% được xem là bình thường, thì đối với các Trung tâm GDTX thi đỗ TN THPT hàng năm đạt tỷ lệ khoảng 70% thì được xem là bình thường, còn cao hơn thì thuộc dạng quá hay... Do đó, đề nghị Lãnh đạo Sở GDĐT nên có hình thức khen thưởng thỏa đáng cho giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và Lãnh đạo Trung tâm một cách thỏa đáng hơn, đúng như công sức mà các Trung tâm GDTX đã đầu tư và gặt hái được kết quả cao hơn sự mong đợi.

4/. Kiến nghị và đề xuất

a). Đối với UBND Tỉnh Đồng Tháp: Đề nghị xem xét việc phân bổ ngân sách để đầu tư xây dựng CSVC mới cho Trung tâm GDTX Thành phố Sa Đéc trong giai đoạn từ nay đến năm 2025.

b). Đối với UBND TP Sa Đéc: Đề nghị xem xét cho di dời hoặc đầu tư cơ sở Trung tâm GDTX Thành phố ở địa điểm mới nhằm đáp ứng đủ diện tích đất đai, phòng học, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập... nhằm tạo điều kiện cho Trung tâm hoạt động ngày càng hiệu quả hơn trong việc góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời cho cộng đồng trên địa bàn thành phố Sa đéc.

c). Đối với Sở GDĐT:

- Đề nghị có sự quan tâm đầu tư xây dựng các phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành, phòng bộ môn và mua sắm trang thiết bị để Trung tâm thực hiện chương trình GDPT 2018 hệ GDTX cấp THPT đạt kết quả tốt.

- Bổ sung thêm số lượng giáo viên bộ môn hiện nay còn thiếu nhiều./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN Ở TRƯỜNG THPT THANH BÌNH 1

Trường trung học phổ thông Thanh Bình 1

Dù trong bất kì thời đại nào, giáo dục luôn được coi là động lực phát triển của đất nước “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Đặc biệt, trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, tri thức là chìa khóa để mở cánh cửa hội nhập thế giới, vì thế, hơn bao giờ hết, vai trò, vị thế của ngành giáo dục và đào tạo càng được coi trọng. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ cho ngành giáo dục và đào tạo là: “Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo”.

1- Bối cảnh chung

1.1. Thời cơ

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cán bộ, giáo viên, học sinh có nhiều cơ hội học hỏi, tiếp cận, giao lưu chia sẻ qua mạng internet.

- Chủ trương xã hội hóa giáo dục của Nhà nước đang mở ra nhiều cơ hội mới cho nhà trường khai thác và phát huy các nguồn lực vật chất, tài chính, văn hóa, chuyên môn để cùng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Nhu cầu được hưởng thụ nền giáo dục chất lượng của học sinh và cha mẹ học sinh là rất lớn và ngày càng tăng.

1.2. Thách thức

- Sự tác động của các yếu tố như mạng xã hội, kinh tế, chính trị, thiên tai, đặc biệt là diễn biến của dịch Covid-19 sẽ còn ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục của địa phương và nhà trường.

- Trong điều kiện khó khăn, kinh phí hạn hẹp, đời sống nhân dân còn khó khăn, việc hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là yêu cầu cấp thiết trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Nhiều cha mẹ học sinh chưa thay đổi nhận thức về đổi mới công tác giáo dục, tư tưởng còn trông chờ, ỷ lại chế độ hỗ trợ của Nhà nước, chưa quan tâm đến việc học tập của con em nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Đặc điểm, tình hình

Đến năm học 2022 – 2023, nhà trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn huyện. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có chuyển biến tích cực, nhà trường có 118 cán bộ, giáo viên, nhân viên với 53 lớp học thuộc cả 02 hệ GDPT (44 lớp) và hệ GDTX (9 lớp) với 2143 học sinh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 20 người (tỷ lệ: 16.95%), Đại học: 87 người (tỷ lệ: 73.73 %), Cao đẳng: 02 người (tỷ lệ: 1.69 %), Trung cấp: 02 người (tỷ lệ: 1.69 %).

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 01 người, Trung cấp: 10 người.

Tổ chức đảng: Đảng bộ gồm 4 chi bộ trực thuộc với 73 đảng viên, nữ: 41 đồng chí.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao; có đạo đức tác phong chuẩn mực sư phạm; có trình độ chuyên môn vững vàng, được nhân dân và phụ huynh

học sinh tin cậy. tập thể sư phạm nhà trường đoàn kết, có nhiều giáo viên tham gia hội đồng bộ môn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực trạng

3.1. Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
CBQL	5	5	5	5	4
Giáo viên	107	107	107	104	105
Nhân viên	9	9	9	9	9
Tổng cộng	121	121	121	117	118
Tỷ lệ giáo viên/lớp	3.14	2.26	2.33	2.23	2.19

3.2. Số lớp học và số học sinh 5 năm gần nhất:

Stt	Năm học	Số lớp học				Số học sinh			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Tổng cộng	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Tổng cộng
1	2017- 2018	10	10	13	33	416	368	439	1223
2	2018- 2019	13	15	14	42	491	543	547	1581
3	2019- 2020	14	12	14	40	557	470	535	1562
4	2020- 2021	15	14	12	41	613	537	471	1621
5	2021- 2022	15	14	13	42	622	590	534	1746

3.3. Kết quả hai mặt giáo dục 5 năm gần nhất:

Stt	Năm học	Học lực				Hạnh kiểm		
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB
1	2017- 2018	29,55%	42,90%	24.65%	2,86%	95,11%	3,43%	0,33%
2	2018- 2019	23,72%	47,63%	26.88%	1,77%	93,04	5,12%	0,82%

3	2019-2020	34,44%	45,33%	17,06%	0,64%	95,90%	3,65%	0,45%
4	2020-2021	42,13%	42,38%	14,93%	0,56%	97,96%	1,60%	0,12%
5	2021-2022	41,07%	44,90%	13,34%	0,69%	98,28%	10,3%	0,17%

3.4. Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh

	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Số lượng	25	24	30	27	35

Chất lượng giáo dục đã có nhiều chuyên biến tiến bộ: Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp 100%. (532/532 em); thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh đạt 35 giải, trong đó: 2 giải nhất, 11 giải nhì, 11 giải ba, 11 giải khuyến khích; An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai đạt 01 giải ba, 02 giải khuyến khích cấp quốc gia; Cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp” cấp tỉnh đạt 01 giải nhất; Thi hùng biện cấp tỉnh đạt 01 giải nhì; Thi hùng biện Tiếng Anh cấp tỉnh đạt 01 giải ba.

Dù đã đạt được nhiều kết quả khả quan, tuy nhiên, quá trình thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của trường vẫn còn những khó khăn, thách thức:

Năng lực của một vài giáo viên, nhân viên còn hạn chế trong đổi mới nội dung và phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả giáo dục chưa cao; đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; trình độ tin học, ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu, đây là trở ngại rất lớn trong việc chuyển đổi số trong giáo dục.

Chất lượng học sinh đầu vào thấp, một bộ phận không nhỏ học sinh còn rụt rè, thụ động, thiếu khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tư duy và tiếp thu kiến thức còn hạn chế, nhất là các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, ngoại ngữ. Địa bàn dân cư còn nhiều khó khăn về kinh tế, nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn như cha mẹ ly hôn, cha mẹ đi làm ăn xa, mồ côi.... không quan tâm đến việc học của con.

Do việc làm sau khi học đại học ra trường có nhiều khó khăn nên một bộ phận không nhỏ học sinh còn thiếu động lực phấn đấu trong học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số môn còn thiếu, chưa được trang bị đầy đủ nhất là đối với chương trình giáo dục phổ thông 2018; tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ chưa được khắc phục triệt để... Điều đó đã đặt ra yêu cầu cho nhà trường phải sớm tìm giải pháp khắc phục, đưa sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển toàn diện, vững chắc.

Trước tình hình trên, để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu của tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, việc thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, công tác quản lý giáo dục, coi trọng quản lý chất lượng. Tiếp tục rà soát, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển giáo dục”.

4. Giải pháp

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường THPT Thanh Bình 1 lần thứ II, nhiệm kỳ 2020-2025, trường THPT Thanh Bình 1 đã và đang phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng, tạo bước chuyển biến đột phá trong giáo dục, đào tạo với các giải pháp chủ yếu sau:

4.1. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý trong giáo dục và quản trị nhà trường, coi trọng quản lý chất lượng, hiệu quả quản trị nhà trường, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản trị nhân sự và tài chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong đơn vị. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, quản trị nhà trường. Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý - quản trị giáo dục trực tuyến trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Tích cực bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; rà soát biên chế bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tăng cường chỉ đạo các tổ chuyên môn tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt sinh hoạt chuyên môn theo hướng xây dựng bài học. Tập huấn, triển khai các nội dung bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán và đại trà, đảm bảo tiến độ, hiệu quả trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4.2. Xây dựng nhận thức, tạo sự đồng thuận trong giáo viên và học sinh. Tập thể giáo viên có nhận thức được trách nhiệm đối với chất lượng giáo dục của nhà trường, thì mới toàn tâm toàn ý đầu tư cho công tác giảng dạy. Học sinh có nhận thức được học để có kiến thức, nghề nghiệp, cuộc sống tốt hơn cho bản thân, gia đình và xã hội mới ra sức cố gắng học tập tốt nhất. Để tạo được nhận thức tốt trong giáo viên và học sinh, nhà trường thông qua sinh hoạt trong Hội đồng sư phạm, qua thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua, sinh hoạt các đoàn thể, Công đoàn, Đoàn thanh niên, sinh hoạt chủ nhiệm, họp mặt truyền thống,... để xây dựng ý thức trách nhiệm, tinh thần làm việc tận tụy.

Xây dựng nề nếp, trật tự trong nhà trường. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, trường muốn đạt được chất lượng cao phải có nề nếp, trật tự tốt. Vì vậy, Ban Giám hiệu cũng như các tổ trưởng quản lý tổ chuyên môn luôn chú ý đến việc xây dựng nề nếp, trật tự, kỷ cương trong nhà trường không chỉ đối với học sinh mà cả giáo viên. Đối với giáo viên, phải nghiêm túc thực hiện kỷ luật lao động, đảm bảo ngày giờ công. Đối với học sinh, với phương châm lấy ngăn ngừa và giáo dục là chính, đầu mỗi năm học, tổ chức cho học sinh học nội quy của nhà trường, do Ban giám hiệu trực tiếp triển khai tới giáo viên, giáo viên chủ nhiệm triển khai tới học sinh. Cho học sinh kí cam kết thực hiện nội quy của trường, lớp. Nâng cao trách nhiệm và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, kịp thời nhắc nhở, uốn nắn học sinh. Nghiêm khắc xử lý các học sinh vi phạm, tùy theo mức độ, giúp học sinh sửa chữa, đồng thời còn có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục các học sinh khác.

Tập trung công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong nhà trường; Đảng bộ hiện có 73 đảng viên, chiếm tỉ lệ 61.8% trên tổng số giáo viên, nhân viên, giữ vai trò nòng cốt trong các hoạt động của trường. Trong sinh hoạt hàng tháng, ngoài công tác Đảng, các chi bộ trực thuộc luôn quan tâm việc thực hiện công tác chuyên môn, có đánh giá, rút kinh nghiệm, đưa ra giải pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế kịp thời. Khi phân công giáo viên bộ môn dạy và chủ nhiệm ở các lớp, có sự cân đối giữa giáo viên có kinh nghiệm và giáo viên ít kinh nghiệm, giáo viên dạy nhiều năm và giáo viên

mới. Trường đặc biệt chú ý đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên thông qua nhiều hình thức.

4.3. Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tập trung tham mưu đổi mới trong tổ chức chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh nhằm giảm áp lực cho học sinh và tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục cấp THPT; từng bước khắc phục tình trạng dạy lệch, học lệch, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tổ chức quản lý dạy thêm, học thêm, học thêm là nhu cầu của học sinh và phụ huynh, đầu năm nhà trường lấy ý kiến của phụ huynh thống nhất dạy học 2 buổi trên ngày nhằm phát huy một số ưu điểm sau: Quản lý được chương trình, chất lượng dạy của giáo viên; thời gian học vừa phải, quản lý được việc học của học sinh, tránh được việc học sinh lợi dụng học thêm để đi chơi, giảm được gánh nặng về kinh tế cho gia đình học sinh, ngoài ra có chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tránh được tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan, làm ảnh hưởng đến thời gian học tập chính khóa của học sinh và giảm uy tín của giáo viên.

4.4. Tập trung triển khai các giải pháp để huy động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém và học sinh bỏ học giữa chừng, duy trì bền vững kết quả đã đạt được, tiến tới đạt tỷ lệ huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số cấp trên giao. Trong năm học 2022-2023 ngay từ đầu năm nhà trường đã thành lập tổ vận động học sinh ra lớp và phối hợp với địa phương đến nhà từng em để tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp phù hợp với từng trường hợp cụ thể, kết quả tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%.

4.5. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá. Trong công tác dạy và học, Ban Giám hiệu tập trung chỉ đạo giáo viên phải mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá sẽ thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, góp phần đổi mới chương trình, xây dựng thái độ học tập cho học sinh. Tổ chức kiểm tra khảo sát đầu năm, giữa kì và cuối kì, tổng hợp điểm, xếp loại học sinh theo thứ tự lớp và gửi về gia đình nhằm giáo dục tính tự giác, tinh thần thi đua học tập của học sinh đồng thời giúp phụ huynh nắm bắt rõ hơn tình hình học tập của con em mình. Trong năm học 2022-2023 100% phụ huynh tham gia sổ liên lạc điện tử qua hệ thống phần mềm Vnedu.

4.6. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho học sinh phổ thông; rà soát, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh vào các môn học chính khóa; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trường học và các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường.

Tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ. Tăng cường và nâng cao vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong nhà trường, đây là lực lượng quan trọng, nhân tố tích cực trong việc phát huy tốt vai trò xung kích, gương mẫu của đoàn viên trong học tập và rèn luyện. Giáo viên chủ nhiệm lớp cần kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong quá trình giáo dục học sinh; kịp thời liên hệ, báo cáo việc thực hiện nề nếp, kết quả học tập của các em, đề nghị gia đình phối hợp trong việc uốn nắn các em chưa ngoan

Tổ chức các phong trào thi đua: Trong học sinh, tổ chức nhiều đợt thi đua giữa các lớp với những nội dung trọng tâm, có sơ kết, đánh giá mỗi tuần trong tiết sinh hoạt dưới cờ, khen thưởng các lớp thực hiện tốt ở mỗi đợt và cuối năm, nhờ đó các lớp đều cố gắng phấn đấu thực hiện tốt nề nếp và học tập. Tổ chức các câu lạc bộ môn học như “câu lạc bộ tiếng anh, ...”. Trong giáo viên, tổ chức cho giáo viên tham gia các phong trào thi đua, phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua với những chỉ tiêu do giáo viên đăng ký phấn đấu trên cơ sở chuẩn thi đua chung của ngành và đặc điểm tình hình bộ môn, lớp dạy. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, TDTT, tham quan, du lịch, hội thi, nhằm tạo không khí vui tươi cho giáo viên và học sinh. Tham mưu và cùng với Phụ huynh phát huy vai trò của Hội Khuyến học trường, luôn quan tâm, tìm hiểu kịp thời giúp đỡ, trợ cấp để học sinh có điều kiện tiếp tục học tốt.

4.7. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên ngoại ngữ, bảo đảm cơ cấu, số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Tiếp tục đổi mới phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh, bảo đảm việc đánh giá được thực hiện chính xác, công bằng, tin cậy. Bổ sung trang thiết bị thiết yếu, học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ.

4.8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục; tiếp tục hoàn thiện và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; triển khai kết nối liên thông dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; đẩy mạnh dạy học trực tuyến; phát triển kho học liệu số qua phần mềm trực tuyến. Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập qua mạng, để bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo phương thức bồi dưỡng thường xuyên, liên tục ngay tại nhà trường.

4.9. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhất là đối với lớp 10 từ năm học 2022 - 2023; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 10. Thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025;

Để thực hiện được các giải pháp trên một cách đồng bộ và toàn diện, bên cạnh việc phối hợp với các ban, ngành liên quan nhằm tham mưu điều chỉnh, bổ sung các đề án, kế hoạch và quy hoạch phát triển giáo dục, đào tạo phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới, hơn bao giờ hết, nhà trường cần sự chung sức, đồng lòng của phụ huynh, địa phương và toàn xã hội. Đó là sức mạnh từ sự ủng hộ mạnh mẽ về tinh thần của xã hội đối với công cuộc đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, sức mạnh từ công cuộc xã hội hóa giáo dục, sự đầu tư về cơ sở vật chất, sự tham gia hỗ trợ các hoạt động trong các cơ sở giáo dục của nhân dân. Đó là sức mạnh từ khối đại đoàn kết của mỗi nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, từ trí tuệ, tâm huyết của các thầy, các cô trong sự nghiệp trồng người. Đó là sức mạnh từ những nỗ lực của mỗi học sinh vươn lên trong hành trình khám phá tri thức để lập thân, lập nghiệp trong tương lai. Tổng hợp nguồn sức mạnh đó chính là động lực để giáo dục nhà trường phát triển bền vững. Đây là một chủ đề rộng, khó có thể nói hết trong một bản tham luận mong nhận được sự đóng góp thêm ý kiến để tham luận của đơn vị được hoàn thiện hơn.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG THPT THỐNG LINH

Trường trung học phổ thông Thống Linh

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục luôn là vấn đề được xã hội quan tâm vì tầm quan trọng của nó đối với sự nghiệp phát triển đất nước nói chung và sự nghiệp giáo dục nói riêng. Do đó phải nâng cao chất lượng giáo dục mới đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, góp phần đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) nhấn mạnh: chất lượng giáo dục được thể hiện trong bốn trụ cột “*Học để biết; học để làm; học để hoàn thiện bản thân và học chung sống*”. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục vừa là danh dự, vừa là lẽ sống của nhà trường trong xu thế hội nhập hiện nay.

Nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và luôn là nội dung quan trọng trong văn kiện của các kỳ Đại hội Đảng. Đặc biệt, trong các Nghị quyết của Đảng từ khi Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới đến nay, quan điểm giáo dục của Đảng luôn thể hiện rõ tính nhất quán, phát triển, cùng với khoa học công nghệ, giáo dục cũng được xem là “*quốc sách hàng đầu*” nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Trường THPT Thống Linh kể từ khi thành lập đến nay đã đạt được một số thành tích trong việc nâng cao chất lượng giáo dục mà trọng tâm là chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó nhà trường vẫn còn nhiều tồn tại cần khắc phục về công tác quản lý, về chất lượng đội ngũ giáo viên, về chất lượng học sinh giỏi, chất lượng học sinh đại trà, về cơ sở vật chất, về việc thực hiện xã hội hóa giáo dục,...

Xuất phát từ những lý do trên, với tinh thần, trách nhiệm của một cán bộ quản lý, từ những thành tích mà nhà trường đạt được cũng như những tồn tại hạn chế trong những năm qua, tôi xin trình bày “*Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở trường THPT Thống Linh*” trong thời gian tới.

2. Thực trạng

Trường THPT Thống Linh được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-UB-TL ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trường tọa lạc ấp 4, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Sau 17 năm kể từ khi thành lập đến nay, Trường THPT Thống Linh đã trở thành một ngôi trường khang trang, có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát. Cơ sở vật chất tạm thời đáp ứng được nhu cầu dạy và học của nhà trường. Chất lượng giáo dục của nhà trường được giữ vững. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 năm 2020.

Năm học 2022-2023, trường có 24 lớp học với 968 học sinh. Trong đó, có 8 lớp 10 với 336 học sinh; 8 lớp 11 với 326 học sinh; 8 lớp 12 với 306 học sinh. CBQL, GV,

NV có 65 người, 34 nữ. CBQL 3 người, 1 nữ; 54 giáo viên dạy lớp và 8 NV.

Chất lượng giáo dục nhà trường trong ba năm qua:

Năm học	Số	Hai mặt giáo dục		Kết quả tốt nghiệp THPT		HSG cấp tỉnh
		HL từ Trung bình trở lên	HK từ trung bình trở lên	Tỉ lệ	ĐBQ	
2019-2020	902	98.23%	100%	100%	6.388	7 (2 Ba)
2020-2021	944	97.57%	100%	99.36%	6.57	18 (1 Nhất, 1 Nhì)
2021-2022	944	100%	100%	100%	6.56	12 (1 Nhì)

Bên cạnh thành tích đạt được, giáo dục toàn diện nhà trường vẫn có một số hạn chế, yếu kém, chất lượng giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội như: chưa có nhiều học sinh vào các trường Đại học “nhóm đầu”, chỉ tập trung vào các trường Đại học “nhóm giữa”, Cao đẳng và tham gia “xuất khẩu” lao động hoặc đi làm trong nước; chất lượng học sinh giỏi cấp tỉnh còn thấp, chưa có nhiều học sinh tham gia các hội thi sáng tạo thanh thiếu niên và hội thi khoa học kỹ thuật,...

3. Nguyên nhân

Ban giám hiệu nhà trường chưa cụ thể hóa chiến lược phát triển nhà trường và làm cho cán bộ giáo viên nhận thức sâu sắc và hiểu rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; việc đề ra kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn, từng năm học còn chung chung; kế hoạch phát triển nhà trường chưa có sự gắn kết chặt chẽ với kế hoạch phát triển của địa phương.

Nhà trường và cán bộ, giáo viên chưa nhận thức đầy đủ mục tiêu giáo dục toàn diện, chủ yếu chỉ tập trung vào công tác dạy và học, chưa coi trọng việc rèn luyện, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường, giáo viên và phụ huynh, học sinh còn chạy theo thành tích.

Chất lượng học sinh đại trà thấp, điểm đầu vào của học sinh lớp 10 luôn thấp hơn nhiều so với các trường trong huyện, trong tỉnh.

Đời sống của nhân dân trong vùng phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, phụ huynh học sinh không có điều kiện để quan tâm đến sự phát triển của trường học, do đó việc huy động các nguồn lực xã hội, nhất là từ phụ huynh học sinh để đầu tư cho giáo dục gặp nhiều khó khăn. Điều kiện học tập của học sinh ở nhà còn nhiều hạn chế, một số các em vừa đi học, vừa phải phụ giúp gia đình làm công việc đồng áng.

4. Giải pháp

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng uỷ, vai trò quản lý (quản trị) nhà trường của Ban giám hiệu và các tổ chuyên môn trong nhà trường.

Đẩy mạnh chuyên đổi số trong quản lý và phát triển nhà trường. Phát huy và đề cao tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà

trường; đổi mới công tác quản lý, xây dựng kế hoạch, sử dụng các nguồn lực trên cơ sở phát huy quyền tự chủ, dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của giáo viên, nhân viên.

Đây là giải pháp mang tính quyết định giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo hiện nay.

b) Nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn cho giáo viên

Tổ chức cho cán bộ, đảng viên, giáo viên tham gia học tập các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện tốt việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện có chất lượng việc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kích thích tinh thần nhiệt huyết của đội ngũ giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ.

c) Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

Giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, chú ý tới các đối tượng học sinh để tổ chức các hoạt động học tập phù hợp. Tăng cường đổi mới và đa dạng hoá phương pháp kiểm tra, đánh giá; tăng cường đánh giá thường xuyên nhằm theo dõi, bám sát khả năng nhận thức của học sinh, từ đó có biện pháp bồi dưỡng, phụ đạo, củng cố kiến thức một cách phù hợp trong từng môn học với các đối tượng học sinh.

Đẩy mạnh giáo dục STEM, phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục một cách thực chất, chú trọng giáo dục các giá trị cốt lõi, nhân văn, phát huy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc.

d) Nâng cao năng lực học tập, giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh

Phối hợp với Đoàn thanh niên thực hiện một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực học tập của học sinh, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho các em, tạo nên sự tương tác thuận lợi giữa giáo viên và học sinh, khơi dậy khát vọng học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội, xây dựng nền nếp học tập và ứng xử văn minh của học sinh trong nhà trường.

e) Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục và công tác phối hợp

Nhằm huy động nguồn lực từ địa phương, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, huy động nguồn kinh phí để trang bị cơ sở vật chất, phục vụ cho dạy và học.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh. Xây dựng nền nếp, kỷ cương

trong hoạt động học tập, giáo dục ý thức học tập cho học sinh.

f) **Đẩy mạnh phong trào thi đua và công tác đánh giá, thi đua khen thưởng theo hướng hiệu quả, khách quan, trung thực.**

Thực hiện đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức hiệu quả hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để nâng cao tay nghề giáo viên, đẩy mạnh phong trào thi đua trên nhiều mặt với những biện pháp tích cực.

g) **Tăng cường công tác truyền thông về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhất là việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đến với học sinh và phụ huynh học sinh.**

5. Kết luận

Giáo dục và đào tạo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó nhà trường giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức, năng lực, phẩm chất của học sinh. Vì thế, nhà trường cần phải được chú trọng giáo dục để tạo nền tảng cho việc thúc đẩy xã hội phát triển, đặc biệt đội ngũ giáo viên đứng lớp phải thật sự tận tâm, có trình độ chuyên môn, có khả năng vận dụng và đa dạng các phương pháp dạy học cũng như kiểm tra đánh giá thì mới có khả năng nâng cao chất lượng giáo dục thực sự. Với những thành tích đã đạt được trong những năm qua nhà trường có điều kiện thuận lợi để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, để chất lượng giáo dục của trường THPT Thống Linh được giữ vững và không ngừng nâng cao còn phải cố gắng nhiều hơn nữa, nhất là hạ tỉ lệ học sinh yếu, kém; nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi, phần đầu đạt giải cao trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; có sản phẩm tham gia và đạt giải trong các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và hội thi khoa học kỹ thuật,... và quan trọng nhất là xây dựng văn hóa nhà trường, tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện và hiệu quả.

Trước những yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay, người giáo viên phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng không vì thế mà chúng ta nản lòng. Sự nghiệp “trồng người” chưa bao giờ là dễ dàng và kết quả của sự nghiệp đó cũng không chỉ là ở hiện tại. Có ý kiến cho rằng “giáo dục một người đàn ông được một người đàn ông, giáo dục một người đàn bà được một gia đình. Giáo dục một người thầy được cả một xã hội”. Chỉ có những người thầy mới có khả năng thay đổi xã hội. Nếu mỗi thầy cô giáo trường THPT Thống Linh đều nhận thức đầy đủ về tầm ảnh hưởng của mình mà ra sức cống hiến nhiều hơn nữa, phấn đấu tu dưỡng và rèn luyện nhiều hơn nữa, tôi tin rằng nhà trường sẽ không phải xoay quanh việc làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục mà khi đó sẽ hạnh phúc khi tạo ra chất lượng giáo dục.